

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NĂM 2026

GIÁO

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHIntracom ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: **Ngành Điều dưỡng trình độ đại học**
 - Tên tiếng Anh: Bachelor of Science in Nursing (BSN)
2. Ngành đào tạo: Điều dưỡng
5. Mã ngành đào tạo: 7720301
6. Trình độ đào tạo: Đại học
7. Loại hình đào tạo: Chính quy
7. Thời gian đào tạo: 4 năm
8. Tổng số tín chỉ toàn khóa: 139 *(không bao gồm tín chỉ môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)*
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Tên văn bằng tốt nghiệp
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân điều dưỡng
 - Tên tiếng Anh: Bachelor of Science in Nursing (BSN)
11. Đơn vị đào tạo cấp bằng: Trường Đại học Intracom
12. Thời gian áp dụng: 2026

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn phát triển, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Trường Đại học Intracom nhằm đào tạo nhân lực chất lượng cao và phát triển các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp, phụng sự cộng đồng, góp phần nâng tầm vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

2.1. Sứ mạng – tầm nhìn – triết lý giáo dục của Trường

Sứ mạng

Trường Đại học Intracom là hạt nhân tri thức của hệ sinh thái Intracom, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp, phụng sự tiến bộ xã hội, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Tầm nhìn

Đến năm 2045, Trường Đại học Intracom trở thành hệ thống đô thị đại học thông minh, đa khuôn viên tại Việt Nam và trong khu vực; biểu tượng của mô hình đại học đổi mới sáng tạo gắn kết doanh nghiệp; kiến tạo nguồn lực và động lực vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của quốc gia.

Triết lý giáo dục

Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị - Vun bồi nhân văn.

Triết lý này định hướng toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và quản trị của Nhà trường, bảo đảm phát triển người học hài hòa giữa năng lực cá nhân, giá trị thực tiễn và trách nhiệm xã hội.

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng nhằm đào tạo người học có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và y đức, có nền tảng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành vững chắc; có năng lực thực hành chăm sóc điều dưỡng an toàn, hiệu quả, dựa trên bằng chứng và lấy người bệnh làm trung tâm. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng để chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cá nhân, gia đình và cộng đồng; có năng lực giao tiếp, làm việc nhóm và giáo dục sức khỏe hiệu quả. Đồng thời, có khả năng ứng dụng công nghệ, ngoại ngữ và nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp; có tư duy đổi mới sáng tạo, năng lực tự học suốt đời và thích ứng với môi trường y tế, đáp ứng Chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam và nhu cầu của hệ thống chăm sóc sức khỏe trong bối cảnh hội nhập.

Mục tiêu cụ thể

POE1. Vận dụng hiệu quả kiến thức lý luận chính trị, pháp luật, khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

POE2. Có năng lực thực hành điều dưỡng an toàn hiệu quả; tham gia quản lý và cải tiến chất lượng chăm sóc trong môi trường nghề nghiệp.

POE3. Ứng dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nghiên cứu khoa học trong học tập và thực hành điều dưỡng.

POE4. Thể hiện y đức, tác phong chuyên nghiệp; giao tiếp, hợp tác hiệu quả; lấy người bệnh làm trung tâm; có tư duy đổi mới, năng lực tự học suốt đời và thích ứng nghề nghiệp.

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong 4 năm một cách thành công, người học có khả năng:

Bảng 3.1: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes – PLOs)			
Chuẩn đầu ra - PLOs		Chỉ số thực hiện (PI: Performance Indicators)	
Kiến thức tổng quát			
PLO1	Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác chăm sóc sức khỏe.	PI 1.1	Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học và những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào hoạt động nhận thức và thực tiễn trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.
		PI 1.2	Phân tích được các quy định pháp luật, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân gắn liền với các định hướng phát triển hiện đại và đổi mới sáng tạo.
Kiến thức chuyên môn			
PLO2	Vận dụng kiến thức y học cơ sở làm nền tảng cho thực hành điều dưỡng.	PI 2.1	Giải thích được cấu trúc giải phẫu, chức năng sinh lý, các quá trình chuyển hóa hóa sinh và cơ chế đáp ứng sinh lý bệnh - miễn dịch của cơ thể người.
		PI 2.2	Phân tích được đặc điểm sinh học của các tác nhân gây bệnh, yếu tố di truyền và sự tác động của môi trường đến sức khỏe con người; vận dụng được các nguyên lý dự phòng để kiểm soát nhiễm khuẩn và bảo vệ an toàn môi trường chăm sóc.
		PI 2.3	Phân tích được các nguyên lý dược lý cơ bản, cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn và vai trò của dinh dưỡng tiết chế trong chăm sóc người bệnh.
PLO3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	PI 3.1	Phân tích được các nguyên lý khoa học điều dưỡng và quản lý điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.
		PI 3.2	Phân tích được các yếu tố tâm lý, xã hội, môi trường và các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
		PI 3.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành điều dưỡng để lý giải cơ sở và định hướng chăm sóc phù hợp với tình trạng người bệnh.

Kỹ năng tổng quát			
PLO4	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình và nhân viên y tế; phối hợp và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa chuyên ngành.	PI 4.1	Thực hiện giao tiếp rõ ràng, thấu cảm, tôn trọng và phù hợp với người bệnh, gia đình và nhân viên y tế trong các bối cảnh chăm sóc.
		PI 4.2	Tham gia, phối hợp và làm việc hiệu quả trong nhóm điều dưỡng và nhóm chăm sóc đa chuyên ngành, lấy người bệnh làm trung tâm.
PLO5	Thực hiện giáo dục sức khỏe và tư vấn cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	PI 5.1	Xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với đặc điểm cá nhân, văn hóa và bối cảnh của đối tượng.
		PI 5.2	Thực hiện giáo dục sức khỏe và tư vấn bằng các phương pháp, phương tiện truyền thông phù hợp với đối tượng.
		PI 5.3	Đánh giá kết quả giáo dục sức khỏe dựa trên mục tiêu đề ra và phản hồi của đối tượng; đề xuất điều chỉnh kế hoạch phù hợp.
PLO6	Ứng dụng nghiên cứu khoa học, thực hành dựa trên bằng chứng, công nghệ thông tin, năng lực số và ngoại ngữ trong học tập và thực hành điều dưỡng.	PI 6.1	Thực hiện được các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học điều dưỡng; đồng thời tìm kiếm, đánh giá phê bình và vận dụng các bằng chứng khoa học, hướng dẫn lâm sàng phù hợp để giải quyết vấn đề và cải tiến chất lượng chăm sóc.
		PI 6.2	Sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ số trong học tập, quản lý thông tin và thực hành điều dưỡng một cách phù hợp và an toàn.
		PI 6.3	Sử dụng ngoại ngữ trong học tập, giao tiếp và thực hành điều dưỡng đạt trình độ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
Kỹ năng chuyên môn			
PLO7	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả trong chăm sóc người bệnh.	PI 7.1	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật điều dưỡng đảm bảo an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn; chủ động phát hiện, xử trí ban đầu và báo cáo các tai biến, sự cố liên quan.
		PI 7.2	Thực hiện sử dụng thuốc an toàn, tuân thủ nguyên tắc; theo dõi sát đáp ứng của người bệnh và kịp thời xử trí, báo cáo các phản ứng bất lợi.

PLO8	Áp dụng quy trình điều dưỡng để thực hiện chăm sóc liên tục, phù hợp và hiệu quả cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.	PI 8.1	Thực hiện nhận định tình trạng sức khỏe, phân tích các yếu tố nguy cơ để xác định vấn đề ưu tiên và thiết lập chẩn đoán điều dưỡng phù hợp.
		PI 8.2	Xây dựng mục tiêu, kế hoạch chăm sóc toàn diện và tổ chức thực hiện đảm bảo tính liên tục, an toàn cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.
		PI 8.3	Đánh giá kết quả chăm sóc, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và thực hiện ghi chép, quản lý hồ sơ bệnh án theo đúng quy định chuyên môn.
PLO9	Phát hiện, đánh giá và xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu; tham gia hồi sức cơ bản và chăm sóc người bệnh nặng, nguy kịch theo quy định chuyên môn.	PI 9.1	Phát hiện, đánh giá nhanh và thực hiện xử trí ban đầu kịp thời các tình huống cấp cứu, đảm bảo an toàn cho người bệnh theo quy trình chuyên môn.
		PI 9.2	Thực hiện kỹ thuật hồi sức cơ bản và phối hợp chăm sóc, theo dõi liên tục người bệnh nặng, nguy kịch theo đúng quy định chuyên môn.
PLO10	Vận dụng các biện pháp chăm sóc không dùng thuốc, y học cổ truyền và phục hồi chức năng trong chăm sóc điều dưỡng.	PI 10.1	Nhận định được tình trạng sức khỏe, nhu cầu của người bệnh bằng lý luận Y học cổ truyền và phục hồi chức năng để lập kế hoạch chăm sóc, phục hồi phù hợp.
		PI 10.2	Thực hiện đúng quy trình và đảm bảo an toàn các kỹ thuật chăm sóc Y học cổ truyền kết hợp với các biện pháp phục hồi chức năng cơ bản trong phạm vi hành nghề của điều dưỡng.
		PI 10.3	Hướng dẫn, hỗ trợ và theo dõi người bệnh, gia đình thực hiện các biện pháp chăm sóc không dùng thuốc, bài tập vận động dưỡng sinh hoặc tập lý liệu pháp phù hợp tại cơ sở y tế và cộng đồng.
Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân			
PLO11	Vận dụng kiến thức quản lý và lãnh đạo điều dưỡng để tham gia tổ chức, điều phối	PI 11.1	Tham gia tổ chức, điều phối, giám sát việc thực hiện kế hoạch chăm sóc và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm trong phạm vi được giao; hướng dẫn và chia sẻ chuyên môn với đồng nghiệp hoặc người học.

	hoạt động chăm sóc; sử dụng hiệu quả nguồn lực và hỗ trợ đồng nghiệp trong phạm vi hành nghề.	PI 11.2	Sử dụng, bảo quản hiệu quả trang thiết bị, vật tư y tế; chủ động phát hiện, báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý các nguy cơ mất an toàn người bệnh.
PLO1 2	Thực hành điều dưỡng theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, lấy người bệnh làm trung tâm; thể hiện năng lực học tập suốt đời và khả năng thích ứng với môi trường hành nghề đa dạng.	PI 12.1	Thực hành chăm sóc điều dưỡng tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo an toàn và quyền lợi của người bệnh.
		PI 12.2	Chủ động tự học, cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp nhằm thích ứng với môi trường hành nghề và phát triển nghề nghiệp liên tục.

3.2 Sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

Bảng 3.2: Bảng ma trận tương quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra (PLO)	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4
PLO1	H	L	L	M
PLO2	H	M	L	
PLO3	H	H	M	L
PLO4	L	M		H
PLO5	M	M	L	H
PLO6	M	L	H	M
PLO7	L	H	L	H
PLO8	M	H	M	H
PLO9	M	H		M
PLO10	M	H		M
PLO11	L	H	L	M
PLO12	M	M	L	H

Ghi chú:

H (*High - Cao*): *Mức độ đóng góp trực tiếp và trọng tâm.* PLO đóng vai trò cốt lõi trong việc hình thành năng lực của PEO. Sinh viên cần đạt chuẩn này ở mức độ thành thạo cao để đáp ứng yêu cầu công việc.

M (*Medium - Trung bình*): *Mức độ đóng góp hỗ trợ.* PLO đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ hoặc là điều kiện cần để thực hiện PEO.

L (*Low - Thấp*): *Mức độ đóng góp gián tiếp.* PLO có liên quan nhưng ở mức độ nền tảng, tạo tiền đề hoặc bổ sung cho PEO.

3.3 Sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 3.3: Sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

STT	Chuẩn đầu ra (Bậc trình độ 6)	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg)	CTĐT Ngành Điều dưỡng trình độ ĐH của trường ĐH Intracom	Nhận xét
1	Kiến thức	- Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết hệ thống, toàn diện về một lĩnh vực học thuật hoặc nghề nghiệp; - Nắm vững các nguyên lý khoa học và phương pháp nghiên cứu; - Hiểu bối cảnh liên ngành và tác động của khoa học, công nghệ đối với lĩnh vực chuyên môn.	PLO1 -PLO3	Chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 6. Các PLO đã bao phủ đầy đủ nhóm kiến thức nền tảng, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành điều dưỡng; đồng thời tích hợp hiệu quả nội dung về pháp luật, khoa học xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học và định hướng ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp.
2	Kỹ năng	- Tư duy phản biện; - Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề phức tạp; - đề xuất, triển khai giải pháp mới và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong học thuật hoặc thực tiễn nghề nghiệp;	PLO4- PLO10	Chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 6. Các kỹ năng được thiết kế theo hướng tích hợp, bao gồm kỹ năng chuyên môn lâm sàng, tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp – hợp tác đa

		- Sử dụng hiệu quả ngoại ngữ trong công việc; - Sử dụng thành thạo công cụ số, dữ liệu và các công nghệ mới bao gồm cả AI phù hợp với lĩnh vực chuyên môn; - Có khả năng khởi xướng các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp với lĩnh vực đào tạo.		chuyên ngành, năng lực nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng. Đồng thời, chương trình trang bị đầy đủ các kỹ năng hỗ trợ cốt lõi về ứng dụng công nghệ số và năng lực ngoại ngữ, giúp người học sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hiện các hoạt động chăm sóc điều dưỡng an toàn, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo trong môi trường y tế hiện đại.
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân	- Có khả năng làm việc độc lập ở mức độ cao; - Chịu trách nhiệm nghề nghiệp đối với công việc của cá nhân và của nhóm; - Chủ động trong học tập suốt đời và phát triển chuyên môn, nghề nghiệp; - Tham gia quản lý, điều phối và đánh giá hoạt động chuyên môn; - Có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tinh thần khởi nghiệp.	PLO11 - PLO12	Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm của chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 6. Người học được hình thành năng lực làm việc độc lập, khả năng tổ chức, điều phối, giám sát thực hiện kế hoạch chăm sóc và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm trong phạm vi hành nghề. Đồng thời, người học thể hiện năng lực tự học, tự phát triển nghề nghiệp liên tục, có trách nhiệm xã hội và luôn tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong thực hành điều dưỡng

Nhận xét chung: Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học của Trường Đại học Intracom được thiết kế bảo đảm tính tương thích cao và đáp ứng trọn vẹn các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6) trên cả ba cấu phần: Kiến thức, Kỹ năng, Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Chương trình không chỉ thể hiện rõ năng lực hành nghề lâm sàng, khả năng ra quyết định dựa trên bằng chứng, quản lý – điều phối chăm sóc và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, mà còn tích hợp hiệu quả các yêu cầu về đổi mới sáng tạo, năng lực số, công nghệ mới nhằm đáp ứng tốt môi trường y tế hiện đại.

3.4. Sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn năng lực điều dưỡng cử nhân đại học Việt Nam

Bảng 3.4: Bảng tương quan giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn năng lực điều dưỡng cử nhân đại học Việt Nam

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau:</i>	Chuẩn năng lực điều dưỡng cử nhân đại học Việt Nam
I. Kiến thức		
PLO1	Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác chăm sóc sức khỏe.	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2
PLO2	Vận dụng kiến thức y học cơ sở làm nền tảng cho thực hành điều dưỡng.	Tiêu chuẩn 3
PLO3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Tiêu chuẩn 3
II. Kỹ năng		
PLO4	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình và nhân viên y tế; phối hợp và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa chuyên ngành.	Tiêu chuẩn 10
PLO5	Thực hiện giáo dục sức khỏe và tư vấn cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	Tiêu chuẩn 11
PLO6	Ứng dụng nghiên cứu khoa học, thực hành dựa trên bằng chứng, công nghệ thông tin, năng lực số và ngoại ngữ trong học tập và thực hành điều dưỡng.	Tiêu chuẩn 17; Tiêu chuẩn 19
PLO7	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả trong chăm sóc người bệnh.	Tiêu chuẩn 5; Tiêu chuẩn 6; Tiêu chuẩn 7
PLO8	Áp dụng quy trình điều dưỡng để thực hiện chăm sóc liên tục, phù hợp và hiệu quả cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.	Tiêu chuẩn 4; Tiêu chuẩn 5; Tiêu chuẩn 8
PLO9	Phát hiện, đánh giá và xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu; tham gia hồi sức cơ bản và chăm sóc người bệnh nặng, nguy kịch theo quy định chuyên môn.	Tiêu chuẩn 9

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau:</i>	Chuẩn năng lực điều dưỡng cử nhân đại học Việt Nam
PLO10	Vận dụng các biện pháp chăm sóc không dùng thuốc, y học cổ truyền và phục hồi chức năng trong chăm sóc điều dưỡng.	Tiêu chuẩn 4; Tiêu chuẩn 5; Tiêu chuẩn 6;
III. Mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân		
PLO11	Vận dụng kiến thức quản lý và lãnh đạo điều dưỡng để tham gia tổ chức, điều phối hoạt động chăm sóc; sử dụng hiệu quả nguồn lực và hỗ trợ đồng nghiệp trong phạm vi hành nghề.	Tiêu chuẩn 12; Tiêu chuẩn 13; Tiêu chuẩn 14; Tiêu chuẩn 15; Tiêu chuẩn 16
PLO12	Thực hành điều dưỡng theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, lấy người bệnh làm trung tâm; thể hiện năng lực học tập suốt đời và khả năng thích ứng với môi trường hành nghề đa dạng.	Tiêu chuẩn 2; Tiêu chuẩn 18; Tiêu chuẩn 19

Nhận xét:

Kết quả đối sánh cho thấy chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học Trường Đại học Intracom phù hợp với Chuẩn năng lực cử nhân Điều dưỡng Việt Nam (2022). Các chuẩn đầu ra bao quát đầy đủ 19 tiêu chuẩn năng lực, bảo đảm người học sau khi tốt nghiệp đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm của điều dưỡng viên trình độ đại học.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

4.1. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Intracom, sinh viên có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:

- Điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước.
- Tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại các trung tâm, viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo điều dưỡng.

4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Intracom có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước.

- Chuyên khoa I, chuyên khoa II điều dưỡng.
- Thạc sĩ Điều dưỡng, Tiến sĩ Điều dưỡng.

V. TUYỂN SINH

** Đối tượng tuyển sinh*

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

** Phạm vi tuyển sinh*

Tuyển sinh trong cả nước.

** Phương thức tuyển sinh*

Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở trung học phổ thông theo Thông tin tuyển sinh (hàng năm) của Trường.

** Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 100 chỉ tiêu/năm;*

** Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào*

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Thông tin tuyển sinh (hàng năm) của Trường;

** Tổ chức tuyển sinh*

Thực hiện theo Thông tin tuyển sinh (hàng năm) của Trường.

VI. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
- Tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
- Không bị nợ hồ sơ sinh viên;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Khối kiến thức toàn khóa

Tổng số lượng khối kiến thức của chương trình đào tạo: 139 tín chỉ

TT	Khối kiến thức học tập	Tín chỉ		Tổng tín chỉ
		Bắt buộc	Tự chọn	
I	Giáo dục đại cương	27	4	31
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	102	6	108
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành	29	2	31
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành/ chuyên sâu ngành/cốt lõi/chuyên sâu.	61	4	65
2.3	Khối kiến thức tốt nghiệp	12		12
	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	4		
	<i>Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	8		
Tổng cộng		129	10	139

7.2 Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần		Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần học trước
		Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần Tiếng Anh		Lên lớp				Tự học	
					Lý thuyết (TC)	Lý thuyết (Giờ)	Thực hành (TC)	Thực hành (Giờ)		
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương			31	20	300	11	330	920	
I.1	Học phần bắt buộc			27	18	268	9	274	808	
1	10500001	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist Philosophy	3		31		28	91	
2	10500002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist Political Economy	2		21		18	61	10500001
3	10500003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2		21		18	61	10500002
4	10500004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2		21		18	61	10500003
5	10500005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2		21		18	61	10500004
6	10100001	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	2		21		18	61	
7	10300001	Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo	Applications of Digital Technology and Artificial Intelligence	2		18		24	58	
8	10200001	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Innovation and Entrepreneurship	2		18		24	58	
9	10406001	Tiếng Anh 1	English 1	3		27		36	87	
10	10406002	Tiếng Anh 2	English 2	3		27		36	87	10406001
11	10100002	Đạo đức nghề nghiệp và phòng chống tham nhũng	Ethics and Anti-Corruption	2		21		18	61	10100001

12	10500006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Research Methodology	2		21		18	61	
1.2	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 3 học phần)									
13	10500007	Nhập môn phát triển bền vững	Introduction to Sustainable Development	2	2	32	2	56	112	
14	10200008	Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số	Soft Skills in the Digital Age	2		15		30	55	10300001
15	10300002	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	Digital Literacy and Open Educational Resources	2		15		30	55	10300001
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1	Khối kiến thức cơ sở ngành									
2.1.1	Học phần bắt buộc									
16	10611101	Lý sinh y học	Biophysiology for Nursing Students	2	1	15	1	30	60	
17	10611102	Hóa - Hoá sinh	Chemistry - Biochemistry	2	1	15	1	30	60	
18	10611103	Sinh học - Di truyền	Biology - Genetics	2	1	15	1	30	60	
19	10611104	Giải phẫu	Anatomy for Nursing Students	3	1	15	2	60	90	
20	10611105	Sinh lý	Physiology for Nursing Students	2	1	15	1	30	60	10611104
21	10611106	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Pathophysiology - Immunology	2	1	15	1	30	60	10611105
22	10611107	Dược lý	Pharmacology for Nursing Students	2	1.5	22.5	0.5	15	60	10611102

23	106111108	Vi sinh - Ký sinh trùng	Microbiology - Parasitology	2	1	15	1	30	60	
24	106111109	Dinh dưỡng tiết chế	Nutrition - Dietetics	2	1	15	1	30	60	
25	106111110	Tâm lý y học - Y đức	Medical Psychology - Ethics	2	1.5	22.5	0.5	15	60	
26	106111111	Nghiên cứu khoa học ĐD - Thực hành dựa vào bằng chứng	Nursing Research and Evidence-Based Practice	3	1	15	2	60	90	10500006
27	106111112	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	Communication Skills in Nursing practice	2	1	15	1	30	60	
28	10406001	Tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng	English in Nursing context	3	2	30	1	30	90	10406002
2.1.2	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)									
29	106111113	Dịch tễ học	Epidemiology	2	1	15	1	30	60	
30	106111114	Sức khỏe môi trường	Environmental Health	2	1	15	1	30	60	106111108
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành									
2.2.1	Học phần bắt buộc									
31	10611301	Định hướng ngành - Học thuyết điều dưỡng	Nursing Orientation and Nursing Theories	2	1.5	22.5	0.5	15	60	
32	10611302	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	Infection Control in Nursing Practice	2	1	15	1	30	60	10611108
33	10611303	Điều dưỡng cơ bản 1	Fundamental Nursing 1	4	2	30	2	60	120	10611104; 10611302; 10611301
34	10611304	Điều dưỡng cơ bản 2 - Cấp cứu ban đầu	Fundamental Nursing 2 - First Aid	4	2	30	2	60	120	10611303

35	10611305	Lâm sàng điều dưỡng cơ bản	Fundamental Nursing Practicum	3	0	0	3	180	90	10611304
36	10611306	Quản lý điều dưỡng	Nursing Management	2	2	30	0	0	60	10611306
37	10611307	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 1	Adult Nursing – Internal Medical Care 1	4	3	45	1	30	120	10611304
38	10611308	Thực hành chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 1	Adult Nursing – Internal Medical Care Practicum 1	3	0	0	3	180	90	10611307; 10611305
39	10611309	Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa 1	Adult Nursing – Surgical Care	4	3	45	1	30	120	10611304
40	10611310	Thực hành chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa 1	Adult Nursing – Surgical Care Practicum	3	0	0	3	180	90	10611309; 10611305
41	10611311	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Health care for women, mothers, and families 1	3	2	30	1	30	90	10611304
42	10611312	TH chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Health care for women, mothers, and families Practicum	2	0	0	2	120	60	10611311; 10611305
43	10611313	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Pediatric and Adolescent Nursing	3	2	30	1	30	90	10611304
44	10611314	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	Pediatric and Adolescent Nursing Practicum	2	0	0	2	120	60	10611313; 10611305
45	10611315	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Gerontological Nursing	2	1	15	1	30	60	10611307; 10611309
46	10611316	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Acute and Intensive Nursing Care	2	1	15	1	60	60	10611307; 10611309; 10611305

47	10611317	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Psychiatric and Mental Health Nursing	2	1	15	1	60	60	10611305
48	10611318	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	Infectious Diseases in Nursing	2	2	30	0	0	60	10611305
49	10611319	TH chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	Infectious Diseases in Nursing Practicum	2	0	0	2	120	60	10611318
50	10611320	Điều dưỡng y học cổ truyền	Traditional Medicine Nursing	2	1	15	1	30	60	
51	10611321	Điều dưỡng phục hồi chức năng	Rehabilitation Nursing	2	1	15	1	30	60	10611307; 10611309
52	10611322	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	Health Education in Nursing practice	2	1	15	1	30	60	10611307; 10611309; 10611112
53	10611323	Điều dưỡng Cộng đồng	Community Health Nursing	2	1	15	1	60	60	10611322
54	10611324	Giáo dục liên ngành	Interprofessional Education	2	1	15	1	30	60	10611112
2.2.2	Học phần tự chọn: Chọn 2 trong 7 học phần			4	2	30	2	90	120	
55	10611325	Điều dưỡng gây mê hồi sức	Perianesthesia Nursing	2	1	15	1	60	60	10611309
56	10611326	Điều dưỡng nhãn khoa	Ophthalmic Nursing	2	1	15	1	60	60	10611305
57	10611327	Điều dưỡng răng hàm mặt	Oral and Maxillofacial Nursing	2	1	15	1	60	60	10611305
58	10611328	Điều dưỡng tai mũi họng	Otolaryngology Nursing	2	1	15	1	60	60	10611305
59	10611329	Chăm sóc giảm nhẹ	Palliative Care Nursing	2	1	15	1	30	60	
60	10611330	An toàn người bệnh	Patient Safety	2	1	15	1	30	60	
61	10611331	Điều dưỡng thảm họa	Disaster Nursing	2	1	15	1	30	60	10611304

2.3	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp / Học phân thay thế Khóa luận tốt nghiệp											
2.3.1	Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc)											
62	10611501	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	4	0	0	0	12	720	360	Các học phần chuyên ngành	
2.3.2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phân thay thế (chọn 1)											
63	10611601	Khoá luận tốt nghiệp	Graduate Thesis	8	0	0	0	8	480	240		-
Học phân thay thế khoá luận tốt nghiệp												
64	10611602	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 2	Adult Nursing – Internal Medical Care Practicum 2	4	0	0	0	4	240	120	-	
65	10611603	Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa 2	Adult Nursing – Surgical Care Practicum 2	4	0	0	0	4	240	120	-	
Tổng số toàn khoá (I + II)				139	66.5	997.5	72.5	3105	4160			
III	Kiến thức không tích lũy (11 tín chỉ)											
	GDQPAN	Giáo dục quốc phòng – An ninh		8	0	0	0	8	240	240	-	
	GDTC	Giáo dục thể chất		3	0	0	0	3	90	90	-	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	CH R	PLO 1	PLO2			PLO3			PLO4			PLO5			PLO6			PLO7			PLO8			PLO9			PLO10			PLO11			PLO12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
					P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P	I	1.	P

S	Mã học phần	Tên học phần	CD R	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
T				P I 1. 1. 2	P I 1. 2. 1	P I 1. 2. 2	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3
T				P I 1. 1. 2	P I 1. 2. 1	P I 1. 2. 2	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3	P I 1. 2. 3
1	10611	Sinh học - di truyền	2		P										
8	103														
1	10611	Giải phẫu	3		P										
9	104														
2	10611	Sinh lý	2		P										
0	105														
2	10611	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2		P										
1	106														
2	10611	Dược lý	2			P				P					
2	107														
2	10611	Vì sinh - Ký sinh trùng	2		P										I
3	108														
2	10611	Dinh dưỡng	2			P									
4	109	tiết chế													
2	10611	Tâm lý y học - y đức	2			P									I
5	110														
2	10611	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng	3	P					P						P
6	111														
2	10611	Kỹ năng giao tiếp trong thực	2				P	P							
7	112														

S T T	Mã học phần	Tên học phần	CĐ R	PLO 1		PLO 2		PLO 3		PLO 4		PLO 5		PLO 6		PLO 7		PLO 8		PLO 9		PLO 10		PLO 11		PLO 12	
				P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1	P I 1
		hành điều dưỡng																									
2 8	10406 001	Tiếng anh chuyên ngành điều dưỡng	3																								
2 9	10611 113	Dịch tễ học	2																								
3 0	10611 114	Sức khỏe môi trường	2																								
3 1	10611 301	Định hướng ngành - Học thuyết điều dưỡng	2																								
3 2	10611 302	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2																								
3 3	10611 303	Điều dưỡng cơ bản 1	4																								
3 4	10611 304	Điều dưỡng cơ bản 2 - Cấp cứu ban đầu	4																								
3 5	10611 305	Lâm sàng điều dưỡng cơ bản	3																								

S	Mã học phần	Tên học phần	CD R	PLO 1	PLO2	PLO3	PLO 4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO8	PLO 9	PLO10	PLO 11	PLO 12
36	10611306	Quản lý điều dưỡng	2	P		P								P	P
37	10611307	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 1	4				P			P	P P	P I I 9. 2 1	P I I 0. 2 1	P I I 1. 2 1	P I I 2. 2 2
38	10611308	Thực hành chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 1	3								M M M				M
39	10611309	Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa I	4							P	P P				
40	10611310	Thực hành chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa I	3							M	M M M				M
41	10611311	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3				P			P	P P				

S T T	Mã học phần	Tên học phần	CĐ R	PLO 1		PLO 2		PLO 3		PLO 4		PLO 5		PLO 6		PLO 7		PLO 8		PLO 9		PLO 10		PLO 11		PLO 12	
				P 1.1	P 1.2	P 2.1	P 2.2	P 3.1	P 3.2	P 3.3	P 4.1	P 5.1	P 5.2	P 6.1	P 6.2	P 7.1	P 7.2	P 8.1	P 8.2	P 9.1	P 9.2	P 10.1	P 10.2	P 11.1	P 11.2	P 12.1	P 12.2
4 2	10611 312	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2								M							M	M						M	M	
4 3	10611 313	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3			P										P		P	P								
4 4	10611 314	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	2			M												M	M						M	M	
4 5	10611 315	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2						P			P	P						P								
4 6	10611 316	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2																	M	M					M	
4 7	10611 317	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2						P									M	M							M	
4 8	10611 318	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2				P												P	P							

S T T	Mã học phần	Tên học phần	CĐ R	PLO 1		PLO 2		PLO 3		PLO 4		PLO 5		PLO 6		PLO 7		PLO 8		PLO 9		PLO 10		PLO 11		PLO 12	
				P	I	P	I	P	I	P	I	P	I	P	I	P	I	P	I	P	I	P	I	P	I	P	I
5	10611	Điều dưỡng tại	2	1	1	2	2	1	1	2	2	1	1	2	2	1	1	2	2	1	1	2	2	1	1	2	2
8	328	mũi họng																									
5	10611	Chăm sóc	2																								
9	329	giảm nhẹ																									
6	10611	An toàn người	2																								
0	330	bệnh																									
6	10611	Điều dưỡng	2																								
1	331	thăm hỏi																									
6	10611	Thực tập tốt	4																								
2	501	nghề nghiệp																									
6	10611	Khoá luận tốt	8	M	M			M	M					M	M			M	M					M			M
3	601	nghề nghiệp																									
6	10611	Chăm sóc	4	M	M			M	M					M	M												M
4	602	người lớn có																									
		bệnh nội khoa																									
		2																									
6	10611	Chăm sóc	4	M	M			M	M					M	M												M
5	603	người lớn có																									
		bệnh ngoại																									
		khoa 2																									

Ghi chú:

Mức độ đóng góp của các học phần đối với việc đạt được PLO/PI (các mức I, P, M):

I: dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức đơn giản làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

P: dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức cơ bản hay nâng cao

M: dạy kiến thức và/hay kỹ năng cho người học ở mức nâng cao, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

7.4. Mô tả học phần

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
I. Khái kiến thức giáo dục đại cương			
1	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần Triết học Mác - Lênin trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung môn học tập trung vào các nguyên lý, quy luật của biện chứng duy vật về tự nhiên, xã hội và tư duy; bản chất của chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của quần chúng nhân dân trong tiến trình lịch sử. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện năng lực vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng để phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong đời sống, học tập và phát triển nghề nghiệp; đồng thời nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và thuyết trình. Bên cạnh đó, môn học góp phần định hình bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, tinh thần trách nhiệm công dân và năng lực tự học để chủ động thích ứng với sự phát triển của xã hội hiện đại.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận khoa học về các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa, sự vận động của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và độc quyền. Đặc biệt, học phần đi sâu phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện tư duy kinh tế độc lập, phương

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			pháp luận khoa học để phân tích, giải thích các hiện tượng kinh tế - xã hội thực tiễn; đồng thời phát triển các kỹ năng mềm cốt lõi như làm việc nhóm, phản biện và thuyết trình. Bên cạnh đó, học phần góp phần hình thành thế giới quan khoa học, tinh thần thượng tôn pháp luật, trách nhiệm công dân và ý thức chủ động tự học để thích ứng tốt với môi trường kinh tế luôn biến động.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho sinh viên những nội dung lý luận cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, quá trình phát triển và các giai đoạn của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Môn học tập trung làm rõ các vấn đề chiến lược trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện năng lực tư duy chính trị - xã hội độc lập, vận dụng lý luận để phân tích và đánh giá đúng đắn các vấn đề thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; đồng thời phát triển các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, phản biện và thuyết trình. Bên cạnh đó, môn học góp phần củng cố niềm tin khoa học, bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm công dân và nâng cao ý thức tự học để thích ứng với bối cảnh hội nhập quốc tế.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức đại cương, trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học, toàn diện về quá trình ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống xâm lược và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước. Môn học đi sâu phân tích các bước ngoặt lịch sử, những thắng lợi vĩ đại và cả những bài học kinh nghiệm xương máu của cách mạng Việt Nam dưới sự cheo lái của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện năng lực vận dụng phương pháp luận sử học để nhận thức, phân tích và đánh giá khách quan các sự kiện lịch sử và các vấn đề thời sự hiện nay; đồng thời phát triển các kỹ năng mềm cốt lõi như làm việc nhóm, phản biện và thuyết trình. Bên cạnh đó, môn học góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, bồi đắp niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao trách nhiệm công dân và ý thức chủ động học tập, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
5	Tur tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức đại cương, trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức lý luận khoa học và toàn diện về nền tảng tư tưởng, quá trình hình thành, phát triển cùng các nội dung cốt lõi của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Môn học tập trung làm rõ quan điểm của Người về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản, Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; cũng như các giá trị đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện phương pháp luận khoa học, năng lực vận dụng tư tưởng của Người để phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cuộc sống và công việc; đồng thời phát triển các kỹ năng mềm cốt lõi như làm việc nhóm, phản biện và thuyết trình. Bên cạnh đó, môn học góp phần giáo dục tinh thần "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", nâng cao bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân và ý thức chủ động tự học để cống hiến cho đất nước.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
6	Pháp luật đại cương	2	Học phần gồm 6 chương trình bày các kiến thức về: (1) Những vấn đề cơ bản về nhà nước; (2) Những vấn đề cơ bản về pháp luật; (3) Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; (4) Thực hiện pháp luật, phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (5) Hệ thống pháp luật; (6) Luật Hình sự, Luật Dân sự và Luật Hành chính. Học phần tích hợp rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề pháp lý, làm việc nhóm và thuyết trình).
7	Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo	2	Học phần bao gồm 06 chương trình bày các kiến thức cốt lõi về tổng quan công nghệ số, chuyển đổi số, lịch sử phát triển và các khái niệm cơ bản của trí tuệ nhân tạo (AI); phân tích vai trò, xu hướng phát triển và các tác động đa chiều của AI đối với học tập, nghề nghiệp và đời sống xã hội; các ứng dụng thực tế của công nghệ số và AI trong tìm kiếm, quản lý kiến thức, nghiên cứu và sáng tạo nội dung số; nguyên tắc và các kỹ thuật viết prompt cùng cách khai thác hệ thống AI tạo sinh (Generative AI); các nguyên tắc đạo đức số, tính pháp lý, bảo mật dữ liệu và an toàn thông tin khi sử dụng AI; và triển khai dự án thực tế ứng dụng AI tạo nội dung theo nhóm. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp quan trọng bao gồm: kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ số và công cụ AI hỗ trợ xử lý công việc; kỹ năng vận dụng kỹ thuật cấu trúc lệnh "Prompt Engineering" để tối ưu hóa hiệu quả sáng tạo nội dung số và phục vụ công việc; khả năng khai thác, quản lý dữ liệu cá nhân và tối ưu hóa lộ trình học tập thông qua hệ thống công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, học phần tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phản biện, đổi mới, kiểm chứng và đánh giá độ tin cậy của thông tin hoặc kết quả do AI tạo ra nhằm tránh sai lệch kiến thức; cùng các kỹ năng mềm thiết yếu như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm phối hợp và kỹ năng trình bày, thuyết trình sản phẩm số trong môi trường học tập số.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
8	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức nền tảng về đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh theo logic “từ vấn đề đến giải pháp và khả năng triển khai”. Nội dung học phần được tổ chức theo tiến trình: nhận diện vấn đề, thấu hiểu người dùng/khách hàng và phát hiện cơ hội đổi mới; thu thập dữ liệu thị trường sơ bộ; lựa chọn ý tưởng và xây dựng giá trị đề xuất; phát triển mô hình kinh doanh/tạo giá trị; kiểm chứng giả định; lập kế hoạch triển khai, tài chính cơ bản và quản trị rủi ro; hoàn thiện báo cáo và trình bày bảo vệ. Sản phẩm học phần là hồ sơ dự án đổi mới sáng tạo/khởi nghiệp ở mức sơ bộ, trong đó yêu cầu thể hiện cân bằng giữa năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực khởi tạo, triển khai ý tưởng kinh doanh.
9	Tiếng Anh 1	3	Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên không chuyên các kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cơ bản ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate), tạo nền tảng cho việc học các học phần tiếng Anh tiếp theo. Nội dung học phần tập trung phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm và các cấu trúc giao tiếp thông dụng thông qua các chủ đề gần gũi như phong cách sống, các cuộc thi, phương tiện giao thông, thử thách, môi trường và các giai đoạn đời. Thông qua các hoạt động học tập tương tác, thảo luận và thực hành giao tiếp, sinh viên được rèn luyện đồng đều bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, đồng thời nâng cao khả năng tự học, hợp tác và sử dụng tiếng Anh trong các tình huống học tập, công việc và đời sống hằng ngày.
10	Tiếng Anh 2	3	Học phần Tiếng Anh 2 tiếp tục phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ ở trình độ trung cấp, giúp người học mở rộng vốn từ vựng, củng cố ngữ pháp và nâng cao khả năng giao tiếp trong học tập, công việc và đời sống. Thông qua các hoạt động học tập tích cực và thực hành giao tiếp, sinh viên được rèn luyện đồng đều bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, đồng thời phát triển kỹ năng tự học, làm việc nhóm và sử dụng các nguồn học liệu, công nghệ hỗ trợ học tập. Kết thúc học phần, sinh viên có

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			khả năng sử dụng tiếng Anh tương đối độc lập trong các tình huống giao tiếp thông dụng và tạo nền tảng cho việc học tập, làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.
11	Đạo đức nghề nghiệp và phòng chống tham nhũng	2	Học phần Đạo đức nghề nghiệp và pháp luật về phòng, chống tham nhũng thuộc khối kiến thức đại cương, gồm 4 chương trình bày kiến thức lý luận nền tảng về chuẩn mực đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ và hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN) của Việt Nam cũng như quốc tế. Học phần tích hợp rèn luyện tư duy nhận diện hành vi tiêu cực, kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa đạo đức nghề nghiệp với quy định pháp lý, và nhận thức rõ trách nhiệm của các chủ thể trong phòng ngừa tham nhũng — làm tiền đề hình thành tính chính trực và tinh thần thượng tôn pháp luật cho người học trong môi trường nghề nghiệp tương lai.
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm 04 chương, trình bày các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; trình tự logic trong nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Cụ thể, học phần gồm các nội dung: Chương 1 - Đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học; Chương 2 - Trình tự logic trong nghiên cứu khoa học; Chương 3 - Phương pháp nghiên cứu khoa học; Chương 4 - Đề tài nghiên cứu khoa học. Học phần còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng phân tích và trình bày vấn đề khoa học, kỹ năng xây dựng đề cương và thực hiện nghiên cứu khoa học.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
13	Nhập môn Phát triển bền vững	2	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc và tiêu chuẩn ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị). Nội dung tập trung phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ hệ sinh thái và đảm bảo công bằng xã hội. Sinh viên sẽ tìm hiểu các thách thức toàn cầu hiện nay như biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và bất bình đẳng. Thông qua việc nghiên cứu tình huống thực tế, môn học rèn luyện tư duy hệ thống và năng lực đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường. Học phần nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và giúp sinh viên đề xuất các giải pháp thực tiễn đóng góp vào sự phát triển bền vững.
14	Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số	2	Học phần Kỹ năng mềm cho kỹ nguyên số trang bị cho sinh viên các kỹ năng thiết yếu để làm việc và phát triển trong môi trường số hóa hiện đại. Nội dung môn học tập trung vào các nhóm kỹ năng cốt lõi như: giao tiếp và cộng tác trên không gian số, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề bằng công nghệ, quản lý thời gian và hiệu suất cá nhân trong môi trường trực tuyến, cùng năng lực thích ứng với sự thay đổi liên tục của công nghệ. Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện thực hành trực tiếp các công cụ số hỗ trợ làm việc nhóm, quản lý dự án nhỏ và thuyết trình chuyên nghiệp; đồng thời nâng cao tư duy an toàn thông tin và đạo đức mạng. Bên cạnh đó, môn học góp phần hình thành tư duy học tập suốt đời (lifelong learning), nâng cao trách nhiệm của một công dân số và ý thức chủ động tự học để thích ứng tốt với thị trường lao động thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0.
15	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở	2	Học phần gồm 05 chương, cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về năng lực số và chuyển đổi số, tìm kiếm, đánh giá và quản lý thông tin số, tài nguyên giáo dục mở và học tập trực tuyến, công cụ số và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ học tập, đạo đức số và an toàn thông tin trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp gồm: tìm kiếm, khai thác và quản lý thông

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			tin số; sử dụng nền tảng học tập trực tuyến, tài nguyên giáo dục mở (OER), công cụ số và công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ học tập, nghiên cứu, sáng tạo nội dung và làm việc nhóm. Bên cạnh đó, học phần tích hợp phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, tư duy số, đánh giá và kiểm chứng thông tin, đồng thời hình thành các kỹ năng mềm như giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, tự học và học tập suốt đời. Học phần cũng góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm công dân số, đạo đức số, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu trong môi trường số.
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành			
16	Lý sinh y học	2 (1/1)	Học phần Lý sinh y học là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất, cơ chế, động lực của các quá trình sống; nghiên cứu ảnh hưởng và tác động của các tác nhân vật lý lên cơ thể và ứng dụng trong các phương pháp, kỹ thuật y học hiện đại. Qua đó, học phần giúp người học hiểu rõ nguyên lý vận hành an toàn các trang thiết bị y tế, và định hướng phối hợp thực hiện, giám sát các phương pháp điều trị, chăm sóc bằng tác nhân vật lý trong học tập và thực hành nghề nghiệp sau này.
17	Hoá - Hoá sinh	2 (1/1)	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được bố trí giảng dạy ở năm thứ nhất của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về dung dịch, cân bằng hóa học, cấu tạo, vai trò và sự chuyển hóa của các chất hữu cơ, các nguyên tố đa lượng và vi lượng trong cơ thể người. Trên cơ sở đó, môn học giúp người học giải thích được các quá trình chuyển hóa, sự trao đổi năng

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			lượng để duy trì sự sống, cũng như phân tích được cơ chế của sự thay đổi các chỉ số hóa sinh và ý nghĩa của các xét nghiệm hóa sinh cơ bản trong một số bệnh lý thường gặp.
18	Sinh học - di truyền	2 (1/1)	Học phần Sinh học - di truyền thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này mô tả cấu trúc, chức năng, thành phần chính trong tế bào và cơ thể sống; các quy luật di truyền cơ bản của con người, các bệnh tật di truyền và đột biến hay gặp trên người cũng như các nguyên tắc, phương pháp điều trị, phương pháp dự phòng bệnh tật di truyền ở người. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thêm kiến thức nền tảng để học tốt các môn y học cơ sở, y học lâm sàng và ứng dụng vào công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
19	Giải phẫu	3 (1/2)	Học phần Giải phẫu là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các danh pháp giải phẫu thông thường, các mặt phẳng quy chiếu giải phẫu để xác định vị trí các cơ quan trong cơ thể người, các chi tiết giải phẫu chính về hình thể, cấu tạo, mạch thần kinh của các cơ quan trong cơ thể người như: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ, hệ thần kinh), cơ quan dinh dưỡng (hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa), cơ quan bài tiết (hệ tiết niệu, hệ nội tiết) và cơ quan sinh sản (hệ sinh dục nam, hệ sinh dục nữ). Học phần giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức cơ bản của môn học để giải thích các biểu hiện bệnh, cách thăm khám bệnh từ đó hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức. Sinh viên được thực hành trên mô hình, tranh ảnh và trên hệ thống mô hình ảo thông minh sẽ giúp sinh viên ghi nhớ và chứng minh lại phần kiến thức đã học.
20	Sinh lý	2 (1/1)	Học phần Sinh lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về chức năng và cơ chế hoạt động của tế bào, cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể người nhằm duy trì hằng định nội môi. Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức sinh lý để giải thích các hoạt động bình thường và một

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			số rối loạn chức năng của cơ thể người trong học tập và thực hành điều dưỡng. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên một số kỹ năng thực hành sinh lý cơ bản ứng dụng vào chăm sóc điều dưỡng.
21	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (1/1)	Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên Điều dưỡng những kiến thức nền tảng về bệnh nguyên và cơ chế bệnh sinh học. Nội dung học phần làm rõ cấu trúc, chức năng của hệ thống miễn dịch, các quá trình đáp ứng miễn dịch tự nhiên và cơ chế bệnh sinh của các rối loạn miễn dịch thường gặp. Đồng thời, môn học đi sâu vào cơ chế của các quá trình bệnh lý đại cương như viêm, sốt, rối loạn thân nhiệt, rối loạn chuyển hóa chất, cũng như rối loạn chức năng của các cơ quan, hệ thống cốt lõi trong cơ thể. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng tư duy lý luận lâm sàng này để tiếp thu hiệu quả các học phần chuyên ngành và trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
22	Dược lý	2 (1.5/0.5)	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dược lý học đại cương (dược động học, dược lực học); các nhóm thuốc được sử dụng điều trị cho người bệnh (thuốc tác dụng lên hệ máu - dịch thể, hệ tuần hoàn, chuyển hóa – điều nhiệt, kháng sinh, hệ hô hấp – tiêu hóa – tiết niệu, hệ nội tiết – sinh sản, hệ cơ xương khớp, hệ thần kinh...). Từ đó làm tiền đề để sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành và có thể tư vấn cho người bệnh dùng thuốc hợp lý – an toàn khi hành nghề.
23	Vì sinh – Ký sinh trùng	2 (1/1)	Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức về đặc điểm sinh học, cơ chế tác động của vi sinh vật lên cơ thể và phản ứng của cơ thể khi nhiễm vi sinh vật, cũng như các biện pháp phòng bệnh do nhiễm vi sinh vật. Trên cơ sở đó học viên có thể giải thích được các hậu quả của mối tương tác giữa cơ thể với VSV lên các hệ cơ quan trong cơ thể, làm cơ sở để tiến hành tiếp thu kiến thức về bệnh học, chăm sóc, và dự phòng các bệnh truyền nhiễm trong thực hành Điều dưỡng.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
24	Dinh dưỡng tiết chế	2 (1/1)	Học phần Dinh dưỡng – Tiết chế (45 tiết: 15 lý thuyết, 30 thực hành) trang bị cho sinh viên điều dưỡng kiến thức nền tảng về nhu cầu dinh dưỡng, giá trị và an toàn thực phẩm trong mối liên quan với sức khỏe. Môn học chú trọng phát triển năng lực tư duy lâm sàng và thực hành dựa trên bằng chứng thông qua các kỹ năng cốt lõi: sàng lọc, đánh giá tình trạng dinh dưỡng; tính toán và thiết kế chế độ ăn tiết chế bệnh lý cơ bản. Đồng thời, sinh viên được huấn luyện mô phỏng quy trình nuôi dưỡng an toàn và kỹ năng đóng vai giao tiếp, tư vấn giáo dục sức khỏe dinh dưỡng cho các đối tượng đặc thù. Học phần đóng góp quan trọng vào việc hình thành năng lực chăm sóc toàn diện của người điều dưỡng.
25	Tâm lý y học - y đức	2 (1.5/0.5)	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, lý luận cơ bản về tâm lý con người, diễn biến tâm lý thường gặp của người bệnh khi nằm viện, các tác động tâm lý tích cực và không tích cực từ cán bộ y tế đến người bệnh và ảnh hưởng của sự tác động đó lên quá trình điều trị và chăm sóc. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện thái độ, tác phong và ý thức, trách nhiệm trong quá trình chăm sóc; đồng thời biết cách tuân thủ các nguyên lý y đức, quy định pháp lý hành nghề nhằm bảo đảm quyền lợi và sự an toàn cao nhất cho người bệnh.
26	Phương pháp nghiên cứu khoa học điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng	3 (1/2)	Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận cơ bản về nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Học phần phát triển cho người học năng lực tra cứu, tổng quan tài liệu và phân tích phê phán các công bố khoa học chuyên ngành. Bên cạnh đó, sinh viên được hướng dẫn vận dụng quy trình thực hành dựa vào bằng chứng vào thực tiễn lâm sàng nhằm cải tiến kỹ thuật chăm sóc, tối ưu hóa an toàn cho người bệnh và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
27	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2 (1/1)	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp như các phương tiện giao tiếp, hình thức phong cách giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp cơ bản của điều dưỡng và các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp của người điều dưỡng... Từ đó giúp sinh viên có các kỹ năng giao tiếp khi tiếp cận người bệnh, gia đình người bệnh và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
28	Tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng	3 (2/1)	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng là sự tiếp nối và nâng cao dựa trên nền tảng của các học phần Ngôn ngữ Anh 1 và 2. Học phần tập trung trang bị cho sinh viên hệ thống thuật ngữ y khoa chuyên sâu và các cấu trúc ngôn ngữ đặc thù gắn liền với công tác điều dưỡng. Các chủ điểm cốt lõi bao gồm: cơ cấu tổ chức và nhân sự bệnh viện, quy trình tiếp đón - nhập viện - cấp cứu, cơ chế đầu, nguyên tắc an toàn thuốc, kỹ thuật đo lường dấu hiệu sinh tồn và các giải pháp xử trí điều dưỡng. Thông qua việc áp dụng các phương pháp dạy - học tích cực như làm việc cá nhân, thảo luận cặp/nhóm và đóng vai tình huống, học phần giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành, rèn luyện đồng bộ các kỹ năng ngôn ngữ để ứng dụng hiệu quả vào công tác chăm sóc điều dưỡng thực tiễn.
29	Dịch tễ học	2 (1/1)	Học phần Dịch tễ là học phần thuộc khối kiến cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về dịch tễ học. Các khái niệm về dịch tễ học, cách đề cập dịch tễ học, dịch tễ học các bệnh lây và không lây nhiễm, các nguyên lý và biện pháp dự phòng. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành các xây dựng kế hoạch giám sát, tính toán một số số đo mắc bệnh, tử vong, chỉ số đánh giá chất lượng xét nghiệm, lập kế hoạch tiêm chủng và điều tra xử lý dịch bệnh truyền nhiễm và thực hành sử dụng các phương tiện phòng chống dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, thuyết trình, thao tác mẫu - thực hành lại với bảng kiểm, phân tích tình huống, dạy học theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, lượng giá thực hành.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
30	Sức khỏe môi trường	2 (1/1)	Sức khỏe môi trường là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những mối nguy hiểm trong môi trường và những ảnh hưởng của chúng lên sức khỏe. Trên cơ sở đó ứng dụng những phương pháp hiệu quả để bảo vệ con người khỏi những mối nguy hại từ môi trường, nâng cao sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng. Học phần sức khỏe môi trường được phân bổ 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành/thảo luận. Sinh viên sẽ học tại giảng đường, đồng thời tự học bằng cách tìm các tài liệu làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
2.2. Khối kiến thức chuyên ngành			
<i>Học phần khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>			
31	Định hướng ngành - Học thuyết điều dưỡng	2 (1.5/0.5)	Học phần <i>Định hướng ngành - học thuyết điều dưỡng</i> gồm phần giảng lý thuyết và tham quan trải nghiệm thực tế. Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển ngành điều dưỡng, vai trò, chức năng, chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp, quy trình điều dưỡng và một số học thuyết điều dưỡng cơ bản. Học phần giúp sinh viên bước đầu vận dụng các học thuyết điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe, đồng thời hình thành nhận thức nghề nghiệp, tác phong và thái độ học tập tích cực thông qua các hoạt động học tập và tham quan trải nghiệm thực tế tại cơ sở y tế.
32	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	Học phần giới thiệu những kiến thức về nhiễm khuẩn bệnh viện. Các bài trong học phần sẽ trang bị cho sinh viên những năng lực về hệ thống tổ chức phòng chống nhiễm khuẩn, sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các qui trình kiểm soát nhiễm khuẩn; sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn. Học phần cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng, thái độ khi thực hiện các biện pháp phòng ngừa chuẩn nhằm kiểm soát được nhiễm khuẩn bệnh viện tại các cơ sở y tế.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
33	Điều dưỡng cơ bản 1	4 (2/2)	Học phần Điều dưỡng cơ bản 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hệ thống lý thuyết điều dưỡng, nguyên tắc vô khuẩn và quy trình kỹ thuật chăm sóc cốt lõi. Bên cạnh việc rèn luyện các kỹ năng thực hành các kỹ thuật chăm sóc người bệnh tại phòng Lab, người học cũng được trang bị kiến thức và kỹ năng nhận diện, xử trí đúng hướng các sự cố y khoa và tai biến bất lợi. Đồng thời, sinh viên được trau dồi kỹ năng giao tiếp thấu cảm, tác phong nghề nghiệp chuyên nghiệp, chuẩn mực y đức và ý thức tự học tập. Đây là học phần tiền đề quan trọng, tạo bước đệm vững chắc về cả năng lực chuyên môn lẫn thái độ chuyên nghiệp trước khi sinh viên bước vào môi trường thực hành lâm sàng thực tế tại bệnh viện.
34	Điều dưỡng cơ bản 2 - Cấp cứu ban đầu	4 (2/2)	Học phần Điều dưỡng cơ bản 2 là môn học chuyên ngành cốt lõi, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng thực hành nền tảng để chăm sóc người bệnh an toàn dựa trên cấu trúc tích hợp giữa lý thuyết và thực hành tại phòng Lab (Skillslab). Trong đó, phần lý thuyết tập trung giúp sinh viên phân tích các nguyên lý khoa học điều dưỡng, nguyên tắc vô khuẩn, an toàn và cơ sở lý thuyết khi thực hiện các thủ thuật lâm sàng. Cấu phần thực hành hướng tới huấn luyện chuyên sâu các kỹ thuật điều dưỡng cốt lõi, kỹ năng phối hợp phụ giúp bác sĩ, cùng năng lực xử trí cấp cứu ban đầu và hồi sức tim phổi cơ bản. Thông qua các tình huống mô phỏng trực quan, sinh viên không chỉ thành thạo thao tác kỹ thuật mà còn được rèn luyện toàn diện năng lực giao tiếp thấu cảm, tư duy lâm sàng, ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc nhóm chuyên nghiệp, tạo tiền đề vững chắc trước khi bước vào môi trường thực tập thực tế tại bệnh viện.
35	Lâm sàng điều dưỡng cơ bản	3 (0/3)	Học phần Lâm sàng Điều dưỡng cơ bản cung cấp cho sinh viên môi trường thực tập thực tế tại bệnh viện để vận dụng quy trình chăm sóc trên người bệnh thật. Học phần tập trung huấn luyện các kỹ thuật điều dưỡng cốt lõi và quy trình sử dụng thuốc an toàn dưới sự giám sát, hướng dẫn trực tiếp của giảng viên lâm sàng. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện năng lực giao tiếp chuyên môn, ghi chép hồ sơ bệnh

Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần			
STT	Tên học phần	Số tín chỉ	
			án, tác phong làm việc chuyên nghiệp và ý thức tuân thủ y đức, tạo nền tảng năng lực vững chắc trước khi bước vào các học phần thực tập lâm sàng chuyên ngành sau này.
36	Quản lý điều dưỡng	2 (2/0)	Học phần Quản lý Điều dưỡng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khoa học quản lý và hệ thống tổ chức ngành Y tế, ngành Điều dưỡng Việt Nam. Học phần trang bị cho người học năng lực vận dụng các học thuyết lãnh đạo đương đại và bằng chứng khoa học vào quản lý chăm sóc, cải thiện chất lượng và an toàn người bệnh. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng quản lý nguồn lực, giải quyết xung đột, quản lý đào tạo liên tục và thực hành nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.
37	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa	4 (3/1)	Học phần Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng nhận định, lập kế hoạch, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người lớn bị các bệnh nội khoa thông thường. Qua đó giúp người học tự tin khi tiến hành chăm sóc người bệnh nội khoa tại bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.
38	Thực hành chăm sóc người lớn bệnh nội khoa	3 (0/3)	Học phần thực hành lâm sàng giúp sinh viên chuyên hóa kiến thức lý thuyết Nội khoa vào môi trường thực tế bệnh viện. Học phần tập trung rèn luyện năng lực thực hiện quy trình điều dưỡng toàn diện cho người bệnh mắc các bệnh lý Nội khoa cấp và mạn tính; phát triển kỹ năng thực hành các kỹ thuật chăm sóc cốt lõi, sử dụng thuốc an toàn và theo dõi sát diễn tiến người bệnh. Đồng thời, học phần chú trọng rèn luyện ý đức, kỹ năng phối hợp nhóm liên ngành và tác phong chuyên nghiệp của người điều dưỡng.
39	Chăm sóc người lớn có	4 (3/1)	Học phần Chăm sóc người lớn bệnh ngoại khoa là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng nhận định, lập kế hoạch, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người lớn bị các bệnh ngoại khoa thông thường. Qua đó giúp người

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
	bệnh ngoại khoa 1		học tự tin khi tiến hành chăm sóc người bệnh ngoại khoa tại bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.
40	Thực hành chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa 1	3 (0/3)	Học phần giúp sinh viên áp dụng lý thuyết vào môi trường thực tế bệnh viện. Học phần tập trung rèn luyện năng lực thực hành quy trình điều dưỡng toàn diện cho người bệnh xuyên suốt các giai đoạn: trước, trong và sau phẫu thuật. Thông qua các tình huống lâm sàng thực tế, sinh viên được phát triển tư duy nhận diện sớm dấu hiệu chuyển biến nặng, dự phòng biến chứng hậu phẫu và ra quyết định xử trí ban đầu an toàn. Đồng thời, học phần chú trọng rèn luyện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc, sử dụng thuốc an toàn, bên cạnh việc trau dồi đạo đức và tác phong chuyên nghiệp của người điều dưỡng.
41	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3 (2/1)	Học phần Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ; sức khỏe bà mẹ khi có thai; bà mẹ trong đẻ; bà mẹ, trẻ sơ sinh sau đẻ; chăm sóc phụ khoa từ đó vận dụng để giải quyết tình huống hoặc lập kế hoạch chăm sóc bài tập tình huống sản phụ khoa. Bên cạnh đó, Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về Sản - Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình.
42	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 (0/2)	Học phần giúp sinh viên chuyển hóa kiến thức lý thuyết vào môi trường bệnh viện thực tế. Học phần tập trung rèn luyện chuyên sâu năng lực áp dụng quy trình điều dưỡng toàn diện để nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho các đối tượng đặc thù: thai phụ (bình thường và bệnh lý), sản phụ trong cuộc chuyển dạ, cặp mẹ - con giai đoạn hậu sản/hậu phẫu, trẻ sơ sinh và người bệnh phụ khoa. Thông qua quá trình thực hành, sinh viên được huấn luyện thành thạo các kỹ thuật chuyên khoa cốt lõi như khám thai, theo dõi chuyển dạ, chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm, tắm bé, chăm sóc vết mổ và tư vấn kế hoạch hóa gia đình. Học phần chú trọng phát triển tư duy lâm sàng sắc bén, năng lực sử dụng thuốc an toàn, kiểm soát

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			nhiệm khuẩn, cùng kỹ năng giao tiếp thấu cảm. Qua đó, người học được trau dồi ý đức, tinh thần trách nhiệm và tác phong hành nghề chuyên nghiệp của người điều dưỡng Sản khoa.
43	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3 (2/1)	Học phần Chăm sóc sức khỏe trẻ em là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Mục đích của học phần là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và sự phát triển của các cơ quan trong cơ thể trẻ từ khi sinh ra cho đến khi dậy thì. Dựa vào sự phát triển này để ứng dụng trên lâm sàng việc chăm sóc, giáo dục trẻ cho phù hợp với từng lứa tuổi cũng như phát hiện sớm các bất thường để xử trí kịp thời, giúp cho trẻ phát triển toàn diện. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh thường gặp ở trẻ em, từ đó đưa ra các biện pháp phòng chống, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ và gia đình trẻ. Bên cạnh đó, sinh viên còn được phân tích một số các tình huống lâm sàng, từ đó sẽ giúp sinh viên hiểu sâu hơn và biết cách phân loại bệnh khi đi thực tập tại bệnh viện.
44	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	2 (0/2)	Học phần Thực tập lâm sàng Điều dưỡng Nhi cung cấp môi trường thực hành thực tế giúp sinh viên tích hợp kiến thức lý thuyết vào bối cảnh chăm sóc sức khỏe trẻ em tại bệnh viện. Học phần tập trung phát triển năng lực tư duy lâm sàng và thực hành toàn diện quy trình điều dưỡng đặc thù cho đối tượng từ sơ sinh đến tuổi thiếu niên. Trong suốt quá trình thực tập, sinh viên trực tiếp tham gia tiếp nhận, đánh giá các chỉ số nhân trắc học và nhận diện sớm các yếu tố nguy cơ như mất nước ở trẻ tiêu chảy cấp hay suy hô hấp ở trẻ viêm phổi nặng. Từ đó, người học thiết lập chẩn đoán điều dưỡng, đưa ra thứ tự ưu tiên và xây dựng kế hoạch can thiệp an toàn, liên tục. Sinh viên cũng được rèn luyện thành thạo các kỹ thuật cốt lõi như liệu pháp oxy, vỗ rung bài tiết đờm nhớt và tính liều thuốc Nhi khoa. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp tình tế với thân nhân, ý thức bảo quản vật tư y tế và tuyệt đối tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
45	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2 (1/1)	Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng thực hành điều dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Học phần cũng sẽ cung cấp cho sinh viên các nội dung liên quan thực tế về các mô hình và cách thức hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong nước/quốc tế trong lĩnh vực thực hành và nghiên cứu về Lão khoa nhằm nâng cao năng lực điều dưỡng, hội nhập với nền Y học hiện đại trên thế giới trong bối cảnh già hóa dân số là xu hướng toàn cầu.
46	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu	2 (1/1)	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực, bao gồm nhận định, đánh giá nhanh tình trạng người bệnh, xử trí cấp cứu ban đầu, hồi sức cơ bản và theo dõi người bệnh nặng, nguy kịch. Thông qua thực hành lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên và điều dưỡng lâm sàng, sinh viên thực hiện quy trình điều dưỡng, phối hợp chăm sóc trong nhóm, bảo đảm an toàn người bệnh và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.
47	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2 (1/1)	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về sức khỏe tâm thần, các rối loạn thường gặp và quy trình điều dưỡng chuyên ngành, bao gồm nhận định hành vi, giao tiếp trị liệu, quản lý thuốc hướng thần và xử trí cấp cứu nguy cơ cao (kích động, tự sát). Trong 15 tiết lý thuyết, sinh viên được định hướng phương pháp trị liệu và lập kế hoạch chăm sóc toàn diện. Tiếp đó, với 60 tiết thực hành tại bệnh viện chuyên khoa, dưới sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên cùng điều dưỡng lâm sàng, sinh viên trực tiếp thực hiện quy trình điều dưỡng trên từng người bệnh cụ thể, áp dụng các liệu pháp tâm lý - xã hội cơ bản và giáo dục sức khỏe. Sinh viên tham gia thường trực tại các khoa phòng, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn, bảo mật thông tin và y đức trên lâm sàng.
48	Chăm sóc sức khỏe người	2 (2/0)	Học phần Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương, đặc điểm dịch tễ học, biểu hiện lâm sàng, cận lâm sàng, nguyên tắc điều trị và dự phòng các bệnh truyền nhiễm thường gặp. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho người học năng lực giám sát, thông báo dịch và

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
	bệnh truyền nhiễm		triển khai các biện pháp kiểm soát khi có dịch bùng phát. Trọng tâm của môn học hướng đến việc vận dụng quy trình điều dưỡng 5 bước để lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc toàn diện, an toàn cho người bệnh truyền nhiễm.
49	Thực hành Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2 (0/2)	Học phần thực hành lâm sàng này trang bị cho sinh viên năng lực vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học vào việc nhận định, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc toàn diện cho người bệnh mắc các bệnh truyền nhiễm thường gặp. Trọng tâm của học phần đặt vào việc rèn luyện tư duy lâm sàng trong phân cấp chăm sóc, kỹ năng phát hiện sớm các dấu hiệu cảnh báo/biến chứng nguy hiểm, và năng lực thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn tối ưu (phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa dựa trên đường lây truyền) nhằm bảo vệ người bệnh, bản thân và cộng đồng. Học phần cũng chú trọng giáo dục thái độ đồng cảm, tôn trọng, không kỳ thị đối với người bệnh truyền nhiễm và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.
50	Điều dưỡng y học cổ truyền	2 (1/1)	Học phần này đề cập đến kiến thức, kỹ năng thực hành dựa trên học thuyết Âm dương, Ngũ hành trong quan điểm y học cổ truyền để ứng dụng trong việc chẩn đoán và chăm sóc người bệnh, duy trì sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật. Từ một số phương pháp nhận định người bệnh theo y học cổ truyền và các kiến thức về chức năng chủ yếu của tạng, phủ, huyết, khí v.v. người điều dưỡng có thể lựa chọn phương pháp chăm sóc người bệnh theo y học cổ truyền phù hợp. Giúp cho sinh viên được tham gia thực hành về một số phương pháp chăm sóc không dùng thuốc như châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, tập luyện dưỡng sinh, sử dụng thuốc nam, toa căn bản, một số phương pháp dân gian không dùng thuốc.
51	Điều dưỡng phục hồi chức năng	2 (1/1)	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc phục hồi chức năng: tổng quan về tàn tật, lượng giá người tàn tật, đại cương các phương pháp vật lý trị liệu, vận động trị liệu, chăm sóc phục hồi chức năng cho bệnh nhân tai biến mạch máu não, bệnh nhân tổn thương tủy sống, cách phát hiện và ngăn ngừa những thương tật thứ phát xảy ra trên bệnh nhân điều trị lâu ngày. Ngoài ra, học phần cung

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật. Học phần chăm sóc phục hồi chức năng có tổng số 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại phòng thực hành.
52	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2 (1/1)	Học phần này giới thiệu cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về truyền thông, giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe tại các cơ sở y tế, cộng đồng nhằm nâng cao kiến thức, thay đổi thái độ và hành vi của đối tượng theo hướng tích cực có lợi cho sức khỏe, để hình thành và duy trì bền vững hành vi sức khỏe lành mạnh.
53	Điều dưỡng Cộng đồng	2 (1/1)	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu; các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình hay của một cộng đồng); cách xác định vấn đề sức khỏe của cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (bài truyền thông giáo dục sức khỏe); tìm hiểu công tác tổ chức quản lý và điều hành công việc khám chữa bệnh, quản lý bệnh tật của trạm y tế xã phường.
54	Giáo dục liên ngành	2 (1/1)	Học phần Giáo dục liên ngành tập trung vào việc phát triển năng lực hợp tác đa chuyên khoa trong môi trường y tế hiện đại. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng vận dụng các công cụ giao tiếp chuẩn hóa, cách tương tác hiệu quả và tôn trọng sự đa dạng văn hóa đối với đồng nghiệp, người bệnh và thân nhân. Thông qua chuỗi tình huống lâm sàng mô phỏng, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề và diễn tập cấp cứu đội nhóm, sinh viên được rèn luyện năng lực phối hợp thiết kế kế hoạch can thiệp toàn diện cho người bệnh đa bệnh lý hoặc có vết thương phức tạp. Đồng thời, học phần thúc đẩy năng lực tự chủ, tính thần trách nhiệm trong điều phối hoạt động nhóm, phân tích nguyên nhân gốc rễ sự cố y khoa và năng lực chia sẻ chuyên môn chuyên ngành, đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn người bệnh.
Học phần khối kiến thức chuyên ngành tự chọn			

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
55	Điều dưỡng gây mê hồi sức	2 (1/1)	Học phần gồm 2 tín chỉ, bao gồm cả lý thuyết và thực hành, cung cấp những kiến thức về các phương pháp vô cảm trên lâm sàng. Cập nhật kiến thức về gây mê hồi sức, các phương pháp gây mê, gây tê, các phương pháp giảm đau sau mổ, các loại thuốc mê, thuốc tê, các loại dịch truyền sử dụng trong gây mê hồi sức và các tai biến gây mê thường gặp, các giải pháp dự phòng nhiễm khuẩn bệnh viện.
56	Điều dưỡng nhãn khoa	2 (1/1)	Học phần Điều dưỡng Mắt thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên năng lực nhận định lâm sàng, tư duy phân biện và kỹ năng chăm sóc toàn diện người bệnh mắc các bệnh lý về mắt phổ biến, tật khúc xạ và cấp cứu nhãn khoa. Phần Lý thuyết cung cấp kiến thức giải phẫu, sinh lý mắt ứng dụng; đặc điểm lâm sàng, biến chứng, dự phòng bệnh lý thường gặp về mắt, tật khúc xạ và nguyên tắc xử trí chấn thương, bỏng mắt. Phần Thực hành rèn luyện phân xạ nghề nghiệp qua các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa Mắt, đồng thời ứng dụng tình huống mô phỏng để lập kế hoạch chăm sóc và sơ cứu khẩn cấp chấn thương, bỏng hóa chất mắt. Bên cạnh đó, học phần giúp phát triển năng lực giao tiếp, giáo dục sức khỏe và đạo đức nghề nghiệp trong chăm sóc nhãn khoa.
57	Điều dưỡng răng hàm mặt	2 (1/1)	Học phần Điều dưỡng Răng Hàm Mặt thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về giải phẫu, sinh lý bộ răng; cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng và nguyên tắc dự phòng các bệnh lý răng miệng thường gặp, dị tật khe hở môi - vòm miệng, khối u và chấn thương vùng hàm mặt trong mối liên quan toàn thân. Đồng thời, học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực thực hành nhận định lâm sàng, lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện các can thiệp điều dưỡng chuyên khoa và phối hợp xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu hàm mặt an toàn. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng áp dụng tư duy phân biện để chăm sóc toàn diện người bệnh, thực hiện giáo dục sức khỏe và tư vấn dự phòng các bệnh lý Răng Hàm Mặt tại cộng đồng với thái độ đồng cảm và đạo đức nghề nghiệp vững vàng.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
58	Điều dưỡng tai mũi họng	2 (1/1)	Học phần Điều dưỡng Tai Mũi Họng thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về giải phẫu, sinh lý ứng dụng của hệ thống tai, mũi, xoang, họng và thanh quản; cơ chế bệnh sinh, đặc điểm lâm sàng và nguyên tắc dự phòng các bệnh lý thường gặp, dị tật bẩm sinh và chấn thương chuyên khoa trong mối liên quan toàn thân. Đồng thời, học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực thực hành áp dụng quy trình điều dưỡng chăm sóc người bệnh tai mũi họng và kỹ năng xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu khẩn cấp an toàn. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng áp dụng tư duy phân biện để chăm sóc toàn diện, thực hiện giáo dục sức khỏe và tư vấn dự phòng các bệnh lý Tai Mũi Họng thường gặp.
59	Chăm sóc giảm nhẹ	2 (1/1)	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc giảm nhẹ, các nguyên tắc trong chăm sóc giảm nhẹ; vai trò của điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ, và ứng dụng quy trình điều dưỡng vào đánh giá chăm sóc giảm nhẹ; nhận định, đánh giá và quản lý các vấn đề thường gặp của người bệnh như đau, các rối loạn tiêu hóa và các vấn đề về da, các vấn đề tâm lý của người bệnh cận tử, những ảnh hưởng tâm lý của người thân và sự phục hồi nghề nghiệp của các nhân viên y tế điều trị, chăm sóc người bệnh cận tử.
60	An toàn người bệnh	2 (1/1)	Học phần An toàn người bệnh trang bị cho sinh viên Điều dưỡng kiến thức hệ thống và kỹ năng thực hành để nhận diện, ngăn ngừa, quản lý sự cố y khoa. Phần lý thuyết giúp phân tích cơ chế lỗi hệ thống, nguyên tắc sử dụng thuốc an toàn và các giải pháp phòng ngừa tai biến trong chăm sóc, phẫu thuật, kiểm soát nhiễm khuẩn và quản lý trang thiết bị. Phần thực hành sử dụng các tình huống mô phỏng tại phòng Lab giúp người học rèn luyện năng lực định danh chính xác người bệnh, bàn giao ca, vận hành bảng kiểm an toàn phẫu thuật, nhận diện thuốc nguy cơ cao, lập báo cáo sự cố và phân tích nguyên nhân gốc rễ.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
61	Điều dưỡng thăm họa	2 (1/1)	Điều dưỡng thăm họa là một học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành điều dưỡng. Học phần này trang bị cho sinh viên khả năng phân tích và áp dụng những kiến thức và kỹ thuật đặc thù của điều dưỡng và các môn khoa học sức khỏe có liên quan khác trong sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe cho người bị nạn. Học phần này cũng định hướng cho sinh viên các nguyên tắc để lập kế hoạch, quản lý thảm họa, cũng như các kỹ năng cá nhân để cải thiện khả năng phán đoán, ra quyết định can thiệp trong thảm họa hoặc khủng hoảng. Ngoài ra, thực hành hành điều dưỡng thăm họa giúp cho các bạn sinh viên có cơ hội rèn luyện, nâng cao các kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm, làm việc độc lập, lập kế hoạch và tổ chức công việc tại hiện trường khi có thảm họa xảy ra.
2.3. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			
Học phần khối kiến thức tốt nghiệp bắt buộc			
62	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	Học phần Thực hành tốt nghiệp (4 tín chỉ) được tổ chức tại bệnh viện sau khi sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần chuyên ngành. Học phần này giúp sinh viên tích hợp và vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào việc nhận định, chẩn đoán, chăm sóc, cũng như giáo dục sức khỏe cho người bệnh mắc các bệnh lý thông thường thuộc lĩnh vực Nội, Ngoại, Sản và Nhi khoa. Qua đó, người học được rèn luyện năng lực làm việc độc lập, trách nhiệm trong các quyết định chuyên môn điều dưỡng, đồng thời làm quen với cơ cấu tổ chức, quản lý và nội quy của các khoa phòng. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có đủ sự tự tin, kỹ năng mềm và tinh thần hợp tác đội nhóm để tiến hành chăm sóc người bệnh an toàn, hiệu quả tại viện cũng như cộng đồng.
Học phần khối kiến thức tốt nghiệp tự chọn			

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
63	Khóa luận tốt nghiệp	8 (0/8)	Học phần Khóa luận tốt nghiệp được áp dụng khi sinh viên tích lũy đủ điều kiện tiêu chuẩn và đăng ký thực hiện theo quy định của Nhà trường. Học phần trang bị và củng cố năng cao cho sinh viên kỹ năng thực hiện trọn vẹn một quy trình nghiên cứu khoa học hoặc một đề án cải tiến thực hành điều dưỡng; vận dụng tổng hợp kiến thức lý luận chuyên sâu, học thuyết điều dưỡng, quy định pháp luật y tế cùng công nghệ số để giải quyết và biện luận một vấn đề sức khỏe thực tiễn lâm sàng hoặc cộng đồng. Sản phẩm khóa luận/đề án hoàn chỉnh được báo cáo và đánh giá độc lập trước Hội đồng tốt nghiệp nhằm minh chứng cho tư duy khoa học, năng lực cải tiến thực hành, tính chính trực và trách nhiệm giải trình của người cử nhân Điều dưỡng.
64	Học phần thay thế: Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 2	4 (0/4)	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp – Chăm sóc người bệnh Nội khoa 2 (4 tín chỉ lâm sàng) nhằm trang bị cho sinh viên năng lực vận dụng lý thuyết khoa học điều dưỡng, hướng dẫn lâm sàng và thực hành dựa vào bằng chứng vào thực tế chăm sóc. Sinh viên được rèn luyện khả năng triển khai toàn diện và dựa trên bằng chứng quy trình điều dưỡng năm bước (Nhận định - Chẩn đoán - Lập kế hoạch - Can thiệp - Đánh giá) trên đối tượng người bệnh nội khoa cụ thể. Đồng thời, học phần giúp hình thành tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức và quy định hành nghề; phát triển năng lực tư duy phân biện độc lập và tinh thần chịu trách nhiệm về các quyết định chăm sóc.
65	Học phần thay thế: Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa 2	4 (0/4)	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp – Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 2 (4 tín chỉ lâm sàng) nhằm trang bị cho sinh viên năng lực vận dụng lý thuyết khoa học điều dưỡng, hướng dẫn lâm sàng và thực hành dựa vào bằng chứng vào thực tế chăm sóc. Sinh viên được rèn luyện khả năng triển khai toàn diện và dựa trên bằng chứng quy trình điều dưỡng năm bước (Nhận định - Chẩn đoán - Lập kế hoạch - Can thiệp - Đánh giá) trên đối tượng người bệnh ngoại khoa cụ thể. Đồng thời, học phần giúp hình thành tác

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt các nội dung của học phần
			phong chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức và quy định hành nghề; phát triển năng lực tư duy phản biện độc lập và tinh thần chịu trách nhiệm về các quyết định chăm sóc.

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Các phương pháp giảng dạy áp dụng trong chương trình đào tạo điều dưỡng bao gồm:

- **Dạy học dựa trên vấn đề:** là một quy trình dạy - học được bắt đầu bằng một vấn đề (đã xảy ra trong thực tế hoặc mô phỏng giống như thực tế) và dựa vào vấn đề để phát hiện những thông tin cần có (cần học) để có thể hiểu rõ và giải quyết được vấn đề đó. Như vậy, thông qua việc giải quyết vấn đề, sinh viên xác định được mục tiêu học tập, học được những điều liên quan hay nói cách khác sinh viên đã học được những điều bổ ích thực sự cho công việc sau này của họ.
- **Phương pháp thuyết giảng có lồng ghép dạy học tích cực:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng; sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể. Giảng viên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy chủ động như động não, suy nghĩ – từng cặp – chia sẻ....
- **Thảo luận nhóm:** là phương pháp dạy học, trong đó giáo viên chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Các thành viên trong nhóm đều phải làm việc, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được giao.
- **Lớp học đảo ngược:** Sinh viên tự nghiên cứu kiến thức cơ bản trước ở nhà thông qua tài liệu, video hoặc bài giảng trực tuyến; thời gian trên lớp dành hoàn toàn cho thảo luận chuyên sâu, giải quyết tình huống, giải đáp thắc mắc và củng cố kiến thức dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Phương pháp này tăng cường tính chủ động, tư duy phản biện và khả năng vận dụng kiến thức của người học.
- **Dạy học dựa trên tình huống:** là một phương pháp dạy học được tổ chức theo những tình huống có thực của cuộc sống, trong đó người học kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội của việc học tập.
- **Phương pháp trò chơi giáo dục:** Giảng viên tổ chức ôn tập, củng cố kiến thức lý thuyết hoặc rèn luyện phản xạ lâm sàng thông qua các cuộc thi, trò chơi tương tác (trực tuyến như Kahoot, Quizizz hoặc trực tiếp như tiếp sức, giải ô chữ) có luật chơi và tính cạnh tranh lành mạnh. Sinh viên chủ động vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các thách thức theo thời gian thực; giảng viên đóng vai trò điều phối và thực hiện tổng kết, chốt kiến thức cốt lõi cùng các lưu ý lâm sàng ngay sau trò chơi.
- **Đóng vai:** là phương pháp dạy - học chủ động, sinh viên tạo điều kiện cho sinh viên bộc lộ ưu và các nhược điểm để sửa chữa, khắc phục hay phát huy thêm. Qua đóng vai sinh viên ứng dụng lý thuyết, nguyên tắc đã học vào thực tế sinh động đa dạng. Đóng vai cũng tạo điều kiện để sinh viên thảo luận những vấn đề thực tế để đề xuất, đồng thời khắc phục những khó khăn thiếu sót.
- **Phương pháp hướng dẫn mẫu và thực hành theo bảng kiểm:** Giảng viên thực hiện thao tác mẫu trực quan, phân rã từng bước kỹ thuật và giải thích cơ chế lâm sàng dựa trên bảng kiểm chuẩn hóa. Sinh viên thảo luận, thực hành lại trên mô

hình theo nhóm nhỏ, đồng thời tiến hành tự đánh giá và đánh giá chéo lẫn nhau bằng bảng kiểm trước khi giảng viên lượng giá, phản hồi sửa sai.

- **Phương pháp dạy học thực hành:** là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hiện các kỹ năng, thao tác nghề nghiệp và nhiệm vụ chuyên môn trong môi trường thực hành, phòng kỹ năng hoặc cơ sở lâm sàng dưới sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên. Thông qua quá trình thực hành, sinh viên củng cố kiến thức chuyên môn, hình thành kỹ năng nghề nghiệp, phát triển tư duy lâm sàng, tác phong nghề nghiệp và năng lực xử lý tình huống trong thực tế chăm sóc sức khỏe.
- **Dạy học dựa trên mô phỏng:** là phương pháp tiếp cận nhận thức thế giới thực thông qua mô hình tĩnh hoặc động. Bằng phương pháp mô phỏng, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc mà trong quá trình học họ còn có thể tìm ra cách tiếp cận vấn đề, con đường cách thức để đạt mục tiêu bài học. Đặc biệt sinh viên còn có thể tạo dựng và điều khiển tại chỗ các đối tượng theo ý muốn; tìm tòi phát hiện một số quan niệm mới cũng như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
- **Dạy học bên giường bệnh:** là phương pháp dạy học lâm sàng được thực hiện trực tiếp tại giường bệnh với sự tham gia của người bệnh dưới sự hướng dẫn của giảng viên hoặc điều dưỡng lâm sàng. Thông qua hoạt động quan sát, thăm khám, chăm sóc, giao tiếp và thực hiện quy trình kỹ thuật trên người bệnh thực tế, sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hành, phát triển kỹ năng lâm sàng, kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện và thái độ nghề nghiệp.
- **Phương pháp tự học:** tự học là quá trình chủ động, tích cực, độc lập tìm hiểu, lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng cho mình. Tự học là tự mình tìm hiểu nghiên cứu, thu nhận các kiến thức tự luyện tập để có kỹ năng. Tự học có thể không cần sự hướng dẫn của người khác.

IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Bảng 9.1: Bảng tổng hợp phương pháp lượng giá, đánh giá

T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá													Dự án/ Khoa luận
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe	
1	1050000 1	Triết học Mác - Lênin	x	x												
2	1050000 2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x												
3	1050000 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x												
4	1050000 4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x	x												
5	1050000 5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x												
6	1010000 1	Pháp luật đại cương	x	x							x					
7	1030000 1	Ứng dụng công nghệ số									x					x

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá																
T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá											Dự án/ Khóa luận		
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình		Vấn đáp	Kỹ năng nghe
		và trí tuệ nhân tạo														
8	1020000 1	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp											x			
9	1040600 1	Tiếng Anh 1	x	x											x	
10	1040600 2	Tiếng Anh 2	x	x											x	
11	1010000 2	Đạo đức nghề nghiệp và phòng chống tham nhũng	x	x										x		
12	1050000 6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x										x		
13	1050000 7	Nhập môn phát triển bền vững	x	x												

T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá												Dự án/ Khoá luận
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/ báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe
14	10200008	Kỹ năng mềm trong kỹ nguyên số	x	x	x						x				
15	10300002	Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở									x				x
16	106111101	Lý sinh y học	x	x	x										
17	106111102	Hóa - Hoá sinh	x	x	x										
18	106111103	Sinh học - Di truyền	x	x	x										
19	106111104	Giải phẫu	x			x		x							
20	106111105	Sinh lý	x			x		x							
21	106111106	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	x	x	x										

T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá													Dự án/ Khoá luận
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe	
22	10611107	Dược lý	x			x										
23	10611108	Vị sinh - Ký sinh trùng	x	x		x										
24	10611109	Dinh dưỡng tiết chế	x	x	x											
25	10611110	Tâm lý y học - Y đức	x	x			x									
26	10611111	Nghiên cứu khoa học ĐD - Thực hành dựa vào bằng chứng			x											x
27	10611112	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	x				x							x		
28	10406001	Tiếng Anh chuyên ngành điều dưỡng	x	x			x									

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá																
T	Mã học phần	Học phần	Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe	Dự án/ Khóa luận
29	10611113	Dịch tễ học	x	x	x											
30	10611114	Sức khỏe môi trường	x	x	x											
31	10611301	Định hướng ngành - Học thuyết điều dưỡng	x									x				
32	10611302	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	x			x		x								
33	10611303	Điều dưỡng cơ bản 1	x			x		x								
34	10611304	Điều dưỡng cơ bản 2 - Cấp cứu ban đầu	x			x		x								

		Các phương pháp kiểm tra, đánh giá														
T	Mã học phần	Học phần	Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe	Dự án/ Khoa luận
35	10611305	Lâm sàng điều dưỡng cơ bản							x							
36	10611306	Quản lý điều dưỡng	x	x								x				
37	10611307	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 1				x		x								
38	10611308	Thực hành chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 1							x	x						
39	10611309	Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa 1	x			x		x								
40	10611310	Thực hành chăm sóc							x	x						

T T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá													Dự án/ Khoá luận
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe	
		người lớn có bệnh ngoại khoa I														
41	1061131 1	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	x			x		x								
42	1061131 2	TH chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình							x	x				x		
43	1061131 3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	x			x		x								
44	1061131 4	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em							x	x						
45	1061131 5	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	x	x	x											

T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá												Dự án/ Khoa luận
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghề
46	10611316	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	x	x		x			x	x				x	
47	10611317	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	x	x					x	x				x	
48	10611318	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	x	x											
49	10611319	TH chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm							x	x				x	
50	10611320	Điều dưỡng y học cổ truyền	x			x		x	x	x					
51	10611321	Điều dưỡng phục hồi chức năng	x			x		x	x	x					

T T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá												Dự án/ Khoá luận
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe
52	1061132 2	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	x				x	x							
53	1061132 3	Điều dưỡng Cộng đồng	x		x							x			
54	1061132 4	Giáo dục liên ngành	x			x		x							
55	1061132 5	Điều dưỡng gây mê hồi sức	x			x		x							
56	1061132 6	Điều dưỡng nhân khoa	x			x		x							
57	1061132 7	Điều dưỡng răng hàm mặt	x			x		x							
58	1061132 8	Điều dưỡng tai mũi họng	x			x		x							
59	1061132 9	Chăm sóc giảm nhẹ	x	x		x	x								

T	Mã học phần	Học phần	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá													Dự án/ Khoa luận
			Trắc nghiệm	Tự luận	Bài tập thực hành	Thực hành (bảng kiểm)	Thực hành tình huống	OSPE /OSC E	Thực hành lâm sàng/ Mini-Cex/ vấn đáp lâm sàng	Kế hoạch chăm sóc	Thuyết trình/ Seminar nhóm	Tiểu luận/ báo cáo	Tiểu luận/báo cáo có thuyết trình	Vấn đáp	Kỹ năng nghe	
60	10611330	An toàn người bệnh	x	x		x										
61	10611331	Điều dưỡng thảm họa	x			x		x								
62	10611501	Thực tập tốt nghiệp							x			x				
63	10611601	Khoa luận tốt nghiệp														x
64	10611602	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 2							x			x				
65	10611603	Chăm sóc người lớn có bệnh ngoại khoa 2							x			x				

X. TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY

Bảng 10.1: Tiến trình giảng dạy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Điều kiện học trước	BIỂU ĐỘ NĂM HỌC																		
				LT	TH	Tự học		Năm 1 (33TC)			Năm 2 (41TC)			Năm 3 (41TC)			Năm 4 (24TC)									
								Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III							
I	Khối giáo dục đại cương	kiến thức đại	31	300	330	920		Học kỳ I	11	11	11	Học kỳ I	13	14	14	Học kỳ I	14	14	Học kỳ I	13	14	13	Học kỳ I	10	6	8
	Học phần bắt buộc		27	268	274	808			11	11	11	Học kỳ I	13	14	14	Học kỳ I	14	14	Học kỳ I	14	14	13	Học kỳ I	10	6	8
1	10500 001	Triết học Mác-Lê Nin	3	31	28	91			3																	
2	10500 002	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	21	18	61	105000 01			2																
3	10500 003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	61	105000 02				2															
4	10500 004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18	61	105000 03					2														
5	10500 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	61	105000 04							2												

6	10100 001	Pháp luật đại cương	2	21	18	61		2											
7	10300 001	Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo	2	18	24	58			2										
8	10200 001	Đổi mới sáng tạo và khởi ngiệp	2	18	24	58									2				
9	10406 001	Tiếng Anh 1	3	27	36	87				3									
10	10406 002	Tiếng Anh 2	3	27	36	87	104060 01			3									
11	10100 002	Đạo đức nghề nghiệp và phòng chống tham nhũng	2	21	18	61	101000 01							2					
12	10500 006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	21	18	61							2						
	Học phần tự chọn: (chọn 2 trong 3 học phần)		4	32	56	112									4				

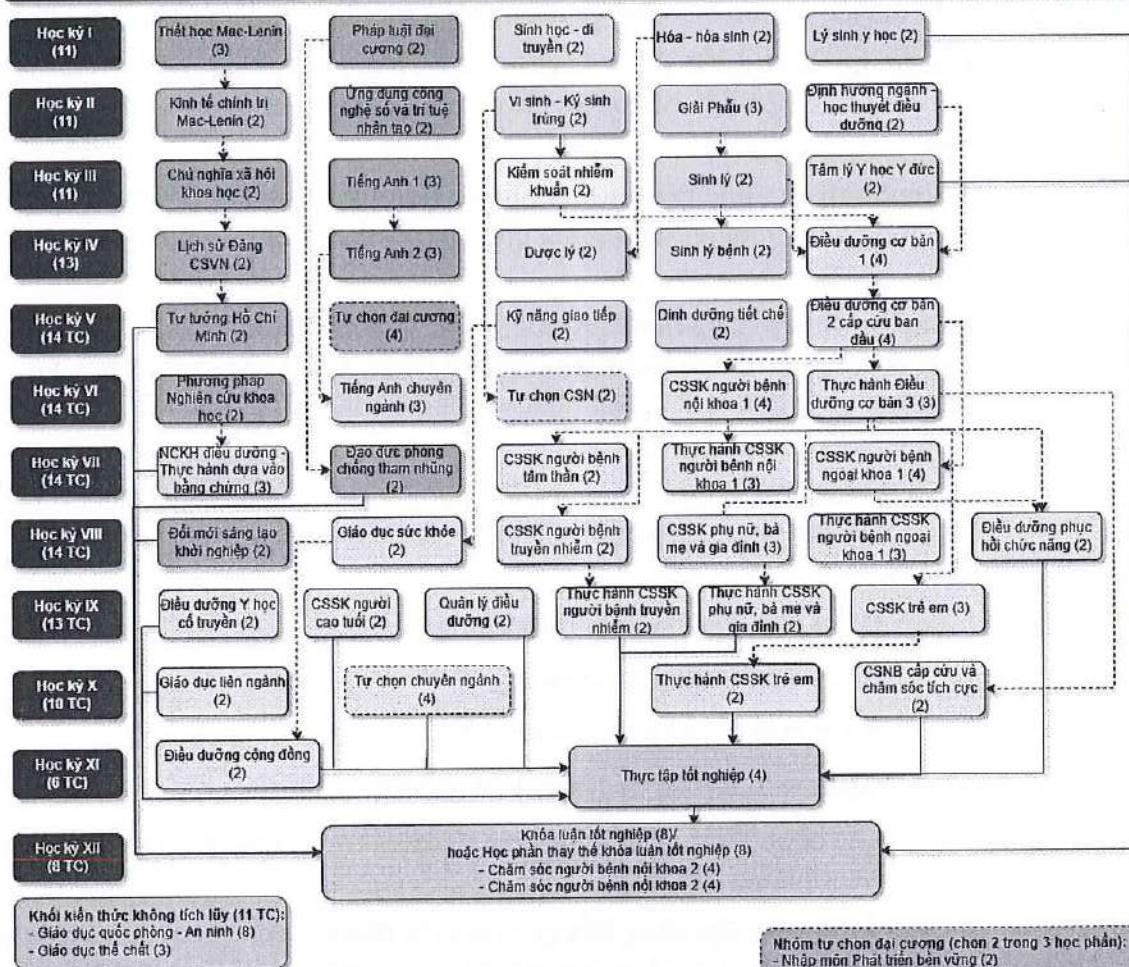
61	10611 331	Điều dưỡng thăm hóa	2	15	30	60	106113 04										2		
2.3	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp		12		720	360													
	Thực tập tốt nghiệp		4		240	120													
62	10611 501	Thực tập tốt nghiệp	4		240	120	Các học phần chuyên ngành											4	
Khóa tốt nghiệp hoặc học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			8		480	240													8
63	10611 601	Khoá luận tốt nghiệp	8		480	240													8
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																		
64	10611 602	Chăm sóc người lớn bệnh nội khoa 2	4		240	120													4
65	10611 603	Chăm sóc người lớn có bệnh	4		240	120													4

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
Chương trình 4 năm 12 học kỳ Tổng 139 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC

Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành: 108 TC

Khối kiến thức không tích lũy: 11 TC



Khối kiến thức giáo dục đại cương

Điều kiện học trước

Khối kiến thức cơ sở ngành

Điều kiện liên quyết

Khối kiến thức chuyên ngành

Môn học bắt buộc

Kiến thức thực tập tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp

Môn tự chọn

Nhóm tự chọn đại cương (chọn 2 trong 3 học phần):
- Nhập môn Phát triển bền vững (2)
- Kỹ năng mềm trong kỷ nguyên số (2)
- Năng lực số và khai thác tài nguyên giáo dục mở (2)

Nhóm tự chọn cơ sở ngành (chọn 1 trong hai học phần):
- Dịch tễ (2)
- Sức khỏe môi trường

Nhóm tự chọn chuyên ngành (Chọn 2 trong 7 học phần):
- Điều dưỡng gây mê hồi sức (2)
- Điều dưỡng nhãn khoa (2)
- Điều dưỡng răng hàm mặt (2)
- Điều dưỡng tai mũi họng (2)
- Chăm sóc giảm nhẹ (2)
- An toàn người bệnh (2)
- Điều dưỡng thẩm mỹ (2)

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hoạt động đào tạo được tổ chức linh hoạt, lấy người học làm trung tâm, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết y khoa hiện đại và thực hành lâm sàng chuyên sâu:

- **Giảng dạy lý thuyết:** Được tổ chức tại hệ thống giảng đường với các trang thiết bị tương tác hiện đại, hỗ trợ tối đa việc ứng dụng các phương pháp dạy-học tích cực.
- **Thực hành các học phần khoa học cơ bản và y học cơ sở:** Được triển khai tại hệ thống phòng thí nghiệm trung tâm và các phòng thực hành chức năng chuyên biệt.
- **Huấn luyện kỹ năng tiền lâm sàng:** Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thực hành điều dưỡng tại các phòng thực hành kỹ năng, trung tâm mô phỏng với các mô hình mô phỏng hiện đại, cập nhật với các chương trình đào tạo điều dưỡng tiên tiến.
- **Thực hành lâm sàng:** Chương trình phối hợp chặt chẽ với hệ thống bệnh viện thực hành đa dạng, giúp sinh viên tiếp cận đầy đủ các mặt bệnh từ cơ bản đến chuyên sâu:
 - Bệnh viện Đa khoa Phương Đông;
 - Bệnh viện Đa khoa Hà Đông;
 - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên;
 - Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương;
 - Các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa uy tín khác trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.
- **Thực hành thực địa cộng đồng:** Sinh viên tham gia các hoạt động giáo dục sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các Trạm y tế và Trung tâm y tế trên địa bàn Hà Nội, Hưng Yên và các tỉnh lân cận.

XII. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

12.1 Đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Bảng 12.1: Đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với 2 trường trong nước, 2 trường quốc tế

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng				
Trường ĐH Intracom	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023
I. Kiến thức				
PLO1: Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong công tác chăm sóc sức khỏe.	PLO1: Vận dụng được kiến thức pháp luật, chủ trương, chính sách của nhà nước trong tôn trọng pháp luật, thực hiện trách nhiệm công dân, thể hiện tính chuyên nghiệp trong đạo đức hành nghề. PLO5: Áp dụng kiến thức nền tảng từ các nguyên lý cơ bản, quy luật tự nhiên, xã hội nhân văn và khoa học sức khỏe	PLO1: Áp dụng được các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào thực hành chăm sóc.	PLO1: Áp dụng kiến thức trong điều dưỡng, sản khoa và các ngành liên quan, bao gồm khoa học, khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật và ngôn ngữ học, vào việc lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe. PLO7: Hành xử dựa trên nền tảng đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và các luật lệ có liên quan.	PLO4: Thể hiện trách nhiệm về đạo đức, pháp lý và chuyên môn trong thực hành điều dưỡng. PLO5: Được định hướng bởi kiến thức về các yếu tố quyết định sức khỏe. PLO10: Tác động đến kết quả điều dưỡng và sức khỏe trên phương diện chuyên môn, xã hội và chính trị.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng					
Trường ĐH Intracom	Đại học Y được Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023	
	trong thực hành nghề nghiệp				
PLO2: Vận dụng kiến thức y học cơ sở làm nền tảng cho thực hành điều dưỡng.	PL5: Áp dụng kiến thức nền tảng từ các nguyên lý cơ bản, quy luật tự nhiên, xã hội nhân văn và khoa học sức khỏe trong thực hành nghề nghiệp		PLO1: Áp dụng kiến thức trong điều dưỡng, sản khoa và các ngành liên quan, bao gồm khoa học, khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật và ngôn ngữ học, vào việc lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe.	PLO5: Được định hướng bởi kiến thức về các yếu tố quyết định sức khỏe.	
PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên ngành điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	PLO6: Đánh giá môi trường tương tác giữa môi trường tự nhiên, yếu tố văn hóa, xã hội và cơ thể con người qua các giai đoạn trong trạng thái bình thường và bệnh tật				
II. Kỹ năng					

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng				
Trường ĐH Intracom	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023
PLO4: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình và nhân viên y tế; phối hợp và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa chuyên ngành.	PLO4: Giao tiếp, làm việc nhóm, hợp tác liên ngành hiệu quả bằng lời, không lời, văn bản phù hợp với văn hóa, bối cảnh và quy định trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	PLO3: Giao tiếp, tư vấn, hướng dẫn, đào tạo và giáo dục sức khỏe hiệu quả.	PLO6: Giao tiếp hiệu quả trong điều dưỡng với người sử dụng dịch vụ, gia đình và các nhóm liên ngành.	PLO8: Giao tiếp hiệu quả và có khả năng làm việc trong các mối quan hệ hợp tác liên ngành với nhiều đối tác khác nhau. PLO12: Thể hiện sự tự tin và năng lực để làm việc trong một nhóm liên ngành.
PLO5: Thực hiện giáo dục sức khỏe và tư vấn cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	PLO8: Thiết kế chương trình truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng phù hợp với nhu cầu, niềm tin, văn hóa, bối cảnh và quy định nghề nghiệp		PLO2: Cung cấp dịch vụ chăm sóc điều dưỡng và sản khoa toàn diện cho người sử dụng dịch vụ, tuân thủ các thực hành dựa trên bằng chứng và tiêu chuẩn an toàn trong nghề nghiệp.	PLO6: Thực hành theo các nguyên tắc của Chăm sóc Sức khỏe Ban đầu.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng					
Trường ĐH Intracom	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023	
PLO6: Ứng dụng nghiên cứu khoa học, thực hành dựa trên bằng chứng, công nghệ thông tin, năng lực số và ngoại ngữ trong học tập và thực hành điều dưỡng.	PLO2: Vận dụng kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp. PLO3: Sử dụng ngoại ngữ trong chương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và ứng dụng CNTT cơ bản để đáp ứng nhu cầu công việc.	PLO5: Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và cải tiến chất lượng chăm sóc. PLO8: Áp dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn.	PLO5: Sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tìm kiếm kiến thức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phát triển bản thân và liên tục nâng cao chất lượng công việc.	PLO3: Cam kết tìm tòi phân biện, thực hành dựa trên phản hồi và bằng chứng.	
PLO7: Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả trong chăm sóc người bệnh.	PLO7: Can thiệp chăm sóc an toàn cho cá nhân, gia đình, cộng đồng theo quy trình điều dưỡng với tư duy phản biện phù hợp	PLO2: thực hiện đúng các kỹ năng nghề nghiệp đảm bảo an toàn, chất lượng và liên tục.	PLO2: Cung cấp dịch vụ chăm sóc điều dưỡng và sản khoa toàn diện cho người sử dụng dịch vụ, tuân thủ các thực hành dựa trên bằng	PLO1: Là người thực hành có năng lực và trách nhiệm theo các tiêu chuẩn đạo đức và chuyên nghiệp đã được thiết lập.	

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng				
Trường ĐH Intracom	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023
	với chứng cứ khoa học, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và pháp luật. PLO8: Áp dụng quy trình điều dưỡng để thực hiện chăm sóc liên tục, phù hợp và hiệu quả cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.		chứng và tiêu chuẩn an toàn trong nghề nghiệp. PLO1 Áp dụng kiến thức trong điều dưỡng, sản khoa và các ngành liên quan, bao gồm khoa học, khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật và ngôn ngữ học, vào việc lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe. PLO2: Cung cấp dịch vụ chăm sóc điều dưỡng và sản khoa toàn diện cho người sử dụng dịch vụ, tuân thủ các thực hành dựa trên bằng chứng và tiêu chuẩn an toàn trong nghề nghiệp.	PLO11: Chuyển đổi thành công sang môi trường thực hành thực tế.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng					
Trường ĐH Intracom	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023	
PLO9: Phát hiện, đánh giá và xử trí ban đầu các tình huống cấp cứu; tham gia hồi sức cơ bản và chăm sóc người bệnh nặng, nguy kịch theo quy định chuyên môn.			PLO2: Cung cấp dịch vụ chăm sóc điều dưỡng và sản khoa toàn diện cho người sử dụng dịch vụ, tuân thủ các thực hành dựa trên bằng chứng và tiêu chuẩn an toàn trong nghề nghiệp.		
PLO10: Vận dụng các biện pháp chăm sóc không dùng thuốc, y học cổ truyền và phục hồi chức năng trong chăm sóc điều dưỡng.			PLO2: Cung cấp dịch vụ chăm sóc điều dưỡng và sản khoa toàn diện cho người sử dụng dịch vụ, tuân thủ các thực hành dựa trên bằng chứng và tiêu chuẩn an toàn trong nghề nghiệp.		
III. Mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân					
PLO11: Vận dụng kiến thức quản lý và lãnh đạo điều dưỡng để tham gia	PLO2: Vận dụng kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, khởi	PLO4: Có khả năng quản lý và lãnh đạo.	PLO4: Thể hiện khả năng lãnh đạo, đưa ra quyết định sáng suốt, thích ứng và làm	PLO9: Thể hiện kỹ năng lãnh đạo dựa trên thể mạnh, lãnh đạo chuyển đổi và quản	

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng				
Trường ĐH Intracom	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023
	tổ chức, điều phối hoạt động chăm sóc; sử dụng hiệu quả nguồn lực và hỗ trợ đồng nghiệp trong phạm vi hành nghề.	ngành, nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời để phát triển nghề nghiệp.	việc cộng tác hiệu quả với các nhóm liên ngành.	lý thay đổi khi bắt đầu thực hành chuyên môn.
PLO12: Thực hành điều dưỡng theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, lấy người bệnh làm trung tâm; thể hiện năng lực học tập suốt đời và khả năng thích ứng với môi trường hành nghề đa dạng.	PLO1: Vận dụng được kiến thức pháp luật, chủ trương, chính sách của nhà nước trong tôn trọng pháp luật, thực hiện trách nhiệm công dân, thể hiện tính chuyên nghiệp trong đạo đức hành nghề.	PLO6: Phát triển nghề nghiệp và năng lực cá nhân. PLO7: Vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp vào thực hành chăm sóc người bệnh.	PLO5: Sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tìm kiếm kiến thức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phát triển bản thân và liên tục nâng cao chất lượng công việc. PLO7: Hành xử dựa trên nền tảng đạo đức, đạo đức nghề nghiệp và các luật lệ có liên quan.	PLO1: Là người thực hành có năng lực và trách nhiệm theo các tiêu chuẩn đạo đức và chuyên nghiệp đã được thiết lập. PLO2: Thể hiện tinh thần lấy con người làm trung tâm trong thực hành lâm sàng. PLO4: Thể hiện trách nhiệm về đạo đức, pháp lý và chuyên môn trong thực hành điều dưỡng. PLO7: Tôn trọng sự đa dạng và hòa nhập trong nhiều bối

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành điều dưỡng				
Trường ĐH Intracom	Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)	Mahidol University (Thái Lan) (áp dụng khóa 2022-2026)	CDalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023
				cảnh chăm sóc sức khỏe khác PLO13: Là người học độc lập và biết tổng hợp thông tin để đóng góp vào việc thực hành điều dưỡng và thay đổi hệ thống y tế theo hướng đổi mới, sáng tạo.

Nhận xét:

- ❖ **Sự tương đồng:** Chương trình đào tạo của Trường Đại học Intracom được xây dựng có độ tương thích cao với các cơ sở đào tạo điều dưỡng uy tín trong nước (Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Điều dưỡng Nam Định) và quốc tế (Đại học Mahidol - Thái Lan, Đại học Dalhousie - Canada). Sự tương đồng thể hiện rõ ở việc lấy quy trình điều dưỡng, an toàn người bệnh và đạo đức nghề nghiệp làm trục năng lực cốt lõi; đồng thời tích hợp đầy đủ các kỹ năng bổ trợ về giao tiếp, làm việc nhóm và giáo dục sức khỏe theo tiêu chuẩn chung toàn cầu.
- ❖ **Sự khác biệt và đặc thù:**
 - **Tính bản sắc:** Chương trình đào tạo điều dưỡng của trường Intracom xác lập ưu thế riêng thông qua PLO10, tập trung vào các biện pháp chăm sóc y học cổ truyền và phục hồi chức năng, phù hợp với định hướng phát triển mạng lưới y tế kết hợp Đông - Tây y tại Việt Nam.

- *Tính hội nhập:* Chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế khi cụ thể hóa năng lực Thực hành dựa trên bằng chứng và Năng lực số (PLO6), giúp người học sẵn sàng thích ứng với sự chuyển đổi số trong y tế.
- *Tính nhân văn:* Việc đưa sự thấu cảm và khả năng thích ứng môi trường đa văn hóa (PLO12) vào chuẩn đầu ra là điểm nhấn khác biệt, giúp sinh viên có tư duy mở và khả năng hành nghề trong các môi trường y tế đa dạng.
- *Quản trị thực hành:* Chương trình nhấn mạnh vào năng lực điều phối nguồn lực (PLO11), trang bị tư duy quản lý nhóm chăm sóc cho sinh viên ngay từ bậc đại học.
- ❖ *Kết luận về tính phù hợp:* CTĐT ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Intracom có sự tương đồng cao với các chương trình đào tạo điều dưỡng của các trường uy tín được đối sánh. Chương trình xây dựng đảm bảo tính khoa học, hiện đại và khả thi. Chương trình không chỉ đáp ứng hoàn toàn Khung trình độ quốc gia (VQF) bậc 6 mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược trong việc đào tạo đội ngũ điều dưỡng vừa vững chuyên môn kỹ thuật, vừa có đạo đức nghề nghiệp và khả năng hội nhập quốc tế cao.

12.2 Đối sánh khung chương trình đào tạo

Bảng 12.2: Đối sánh khung chương trình đào tạo với 2 trường trong nước, 2 trường quốc tế

Nội dung đối sánh		Chương trình đào tạo ngành điều dưỡng														
Cấu trúc chương trình		Trường ĐH Intracom			Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)			Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)			Mahidol University (Thái Lan) - Chương trình quốc tế (áp dụng khóa 2022-2026)			Dalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023		
		Tổng g TC	LT	TH/LS	Tổng g TC	LT	TH/LS	Tổng TC	LT	TH/LS	Tổng g TC	LT	TH/LS	Tổng TC	LT	TH/LS
1. Giáo dục đại cương		31	20	11	25	17	8	23	22	1	30	24	6	5	5	0
Bắt buộc		27	18	9	25	17	8	23	22	1	17	14	3	5	5	0
Tự chọn		4	2	2							13	10	3	0		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		108	46.5	61.5	111	61	50	106	44	62	95	28	67	115	63	52
2.1 Cơ sở ngành		31	16	15	20	16	4	26	17	9	16	10	6	30	27	3
Bắt buộc		29	15	14	20	16	4	26	17	9	16	10	6	27	24	3
Tự chọn		2	1	1							0			3	3	0
2.2 Chuyên ngành		65	30.5	34.5	84	39	45	68	27	41	67	18	49	70	36	34
Bắt buộc		61	29	32	78	37	41	68	27	41	61	13	48	66	36	30

Nội dung đối sánh	Chương trình đào tạo ngành điều dưỡng																					
Cấu trúc chương trình	Trường ĐH Intracom				Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Số 4036/QĐ-ĐHYD, ngày 25 tháng 09 năm 2023)				Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 964/QĐ-ĐDN, ngày 14 tháng 04 năm 2025)				Mahidol University (Thái Lan) - Chương trình quốc tế (áp dụng khóa 2022-2026)				Dalhousie University (Canada), ngày 11/12/2023					
	Tự chọn				4	2	2	6	2	4					6	5	1	4	0	4		
	2.3 Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp				12	0	12	7	3	4	12	12			12		12	15		15		
	Thực tập tốt nghiệp				4	0	4				4	4			12		12	0				
	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				8	0	8				8							0				
											Tự chọn tổng hợp											
											10	4	6									
Tổng Tín chỉ	139				66.5	72.5	136	78	58	139	70	69	125	52	73	120	68	52	120 TC			
					139 TC				136 TC				139 TC				125 TC					

Nhận xét:

❖ Về quy mô tổng khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ chương trình đào tạo ngành điều dưỡng trình độ đại học của Intracom (139 TC) hoàn toàn tương đương với các trường đào tạo điều dưỡng hàng đầu tại Việt Nam như Đại học Điều dưỡng Nam Định (139 TC) và cao hơn ĐHYD TP.HCM (136 TC) và hai chương trình quốc tế (120 – 125 TC). Điều này khẳng định chương trình của Intracom đảm bảo khối lượng kiến thức đầy đủ đáp ứng yêu cầu của khung chuẩn quốc gia.

❖ Cấu trúc chương trình

Kiến thức giáo dục đại cương:

Sự tương đồng: Tất cả các trường đều duy trì khối lượng đại cương nhất định để xây dựng nền tảng tư duy cho sinh viên.

Sự khác biệt: Intracom dành 31 TC cho khối này, tương đương với trường Mahidol University (Thái Lan) - Chương trình quốc tế và cao hơn chương trình của các trường (Nam Định 23 TC, Y Dược TP.HCM 25 TC). Đặc biệt, Intracom tích hợp đến 10.5 TC thực hành ngay ở giai đoạn này. Việc chú trọng thực hành sớm trong khối đại cương giúp sinh viên Intracom hình thành các kỹ năng bổ trợ một cách thực dụng hơn so với mô hình thuần lý thuyết của các trường truyền thống.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

Sự tương đồng: Tất cả các trường đều dành phần lớn thời lượng của chương trình cho khối kiến thức chuyên nghiệp (chiếm từ 75% đến 85% tổng khối lượng đào tạo). Chương trình điều dưỡng của trường Intracom có sự tương đồng về tổng tín chỉ khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (108 TC), con số này nằm sát ngưỡng trung bình của các trường đào tạo điều dưỡng uy tín nhất: trường đại học Điều dưỡng Nam Định (106 TC). Đại học Y Dược TP.HCM (111 TC) và Đại học Dalhousie - Canada (115 TC), đại học Mahidol (95 TC). Sự tương đồng này cho thấy Intracom đã thiết kế khung chương trình đảm bảo đầy đủ khối lượng kiến thức chuyên môn theo tiêu chuẩn của các trường đầu ngành y dược tại Việt Nam và tiệm cận chuẩn năng lực quốc tế.

❖ Tỷ lệ lý thuyết và thực hành

Đây là đặc điểm nhận diện rõ ràng nhất về định hướng đào tạo của Intracom:

Định hướng ứng dụng vượt trội: Tỷ lệ thực hành/lâm sàng chiếm 52.2% (72.5/139 TC). Đây là tỷ lệ rất cao, tiệm cận với mô hình đào tạo của Thái Lan (Mahidol 58%) và tương đồng với ĐH Điều dưỡng Nam Định (50%). Tỷ lệ này cao hơn hẳn so với ĐH Y Dược TP.HCM (42.6%) và chương trình điều dưỡng cấp đại học Dalhousie - Canada (43.3%). Điều này minh chứng Intracom ưu tiên tối đa việc rèn luyện tay nghề tại hệ thống phòng mô phỏng và bệnh viện, giúp sinh viên có kỹ năng lâm sàng thuần thục ngay khi tốt nghiệp.

Kết luận chung

Chương trình đào tạo Điều dưỡng của Đại học Intracom có sự tương đồng cao với các chương trình đào tạo điều dưỡng của các trường đối sánh trong và ngoài nước. Chương trình vừa đáp ứng khắt khe các tiêu chuẩn pháp lý tại Việt Nam, vừa tiệm cận cấu trúc của các đại học uy tín trên thế giới (Thái Lan, Canada). Hơn nữa, chương trình

đào tạo thể hiện sự ưu việt về tỷ lệ thực hành chiếm hơn một nửa chương trình. Cấu trúc này đảm bảo đào tạo ra đội ngũ điều dưỡng không chỉ vững về chuyên môn kỹ thuật mà còn có nền tảng đại cương tốt, khả năng thực hành lâm sàng nhạy bén, đáp ứng ngay nhu cầu của các bệnh viện hiện đại.

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

TS. Ngô Thị Thủy



TS. Trần Ái Cẩm

GIÁO

